

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

-----&-----

ĐỀ ÁN

**ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ TRUYỀN THÔNG ĐẠI CHÚNG**

Mã số: 8.32.01.05

HÀ NỘI, 2025

Số 2080 -QĐ/HVBCTT-ĐT

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thông qua Đề án của Hội đồng Khoa học và Đào tạo
trình độ thạc sĩ ngành Truyền thông đại chúng

Căn cứ Quyết định số 839-QĐ/HVCTQG ngày 06/3/2025 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/06/2012 và Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội ban hành Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Luật Giáo dục số 43/2019/QH 14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội ban hành;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2240-QĐ/HVBCTT ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền về việc thành lập Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhiệm kỳ 2025 – 2027;

Căn cứ Thông tư số 07/VBHN-BGDĐT ngày 09 tháng 12 năm 2024 về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Phiếu trình xin ý kiến thành viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/HVBCTT-HĐT ngày 24/12/2025;

Xét đề nghị của Trưởng ban Quản lý đào tạo, bồi dưỡng và Viện trưởng Viện Báo chí - Truyền thông,

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Đồng ý thông qua Đề án đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu ngành Truyền thông đại chúng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Điều 2. Giao Ban Quản lý đào tạo, bồi dưỡng phối hợp các đơn vị chức năng báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo và công bố Đề án đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Truyền thông đại chúng trên cổng thông tin điện tử của Học viện theo quy định hiện hành.

Điều 3. Trưởng ban Quản lý đào tạo, bồi dưỡng, Viện trưởng Viện Báo chí - Truyền thông, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- Lưu: VT, ĐT.



GIÁM ĐỐC

Phạm Minh Sơn

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

-----&-----

ĐỀ ÁN
ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ TRUYỀN THÔNG ĐẠI CHÚNG

Mã số: 8.32.01.05

HÀ NỘI, 2025

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
-----&-----

TỜ TRÌNH
ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ TRUYỀN THÔNG ĐẠI CHÚNG

Mã số: 8.32.01.05

HÀ NỘI, 2025

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

-----&-----

HỒ SƠ
ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ TRUYỀN THÔNG ĐẠI CHÚNG

Ngành: Truyền thông đại chúng

Mã số: 8.32.01.05

Đơn vị chủ trì, thực hiện: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

HÀ NỘI, 2025

*

ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Tên ngành đào tạo: Truyền thông đại chúng

Mã số: 8320105

Tên cơ sở đào tạo: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

PHẦN 1

SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

THẠC SĨ NGÀNH TRUYỀN THÔNG ĐẠI CHỨNG

1.1. Giới thiệu về cơ sở đào tạo

Học viện Báo chí và Tuyên truyền thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, tiền thân là Trường Tuyên giáo Trung ương được thành lập ngày 16/01/1962 theo Quyết định số 36-NQ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, trên cơ sở hợp nhất 3 trường: Trường Nguyễn Ái Quốc phân hiệu II, Trường Tuyên huấn và Trường Đại học Nhân dân. Năm 1983 hợp nhất Trường Tuyên huấn Trung ương I và Trường Nguyễn Ái Quốc V thành Trường Tuyên giáo Trung ương I. Ngày 20/11/1990 Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) ra Quyết định số 406-HĐBT về việc công nhận Trường Tuyên giáo Trung ương I là Trường Đại học Tuyên giáo. Từ đây, ngoài vai trò là một trường Đảng đào tạo cán bộ cho hệ thống chính trị, Học viện còn là một trường đại học duy nhất nằm trong hệ thống trường Đảng và nằm trong hệ thống giáo dục quốc dân, do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý về quy chế đào tạo, các mặt khác trực thuộc Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

Ngày 10/03/1993, theo Quyết định số 61 - QĐ/TW về việc sắp xếp lại các trường Đảng trung ương, Trường Đại học Tuyên giáo chuyển thành Phân viện

Báo chí và Tuyên truyền thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Ngày 02/8/2005, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Quyết định số 149-QĐ/TW về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, đổi tên Phân viện Báo chí và Tuyên truyền thành Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền bao gồm: Đảng uỷ, Hội đồng Học viện, Ban Giám đốc, Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các Khoa/Viện đào tạo và các đơn vị chức năng. Học viện hiện nay có 26 đơn vị trực thuộc gồm: 15 khoa đào tạo (Khoa Triết học, Khoa Kinh tế chính trị, Khoa Chủ nghĩa xã hội khoa học, Khoa Lịch sử Đảng, Khoa Xây dựng Đảng, Khoa Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa Tuyên truyền, Khoa Chính trị học, Khoa Nhà nước và Pháp luật, Khoa Quan hệ quốc tế, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo, Khoa Xã hội học và Phát triển, Khoa Xuất bản, Khoa Ngoại ngữ, Khoa Giáo dục đại cương và Nghiệp vụ sư phạm); 01 Viện (Viện Báo chí - Truyền thông), 06 phòng/ban chức năng (Ban Quản lý đào tạo, Bồi dưỡng; Ban Quản lý Khoa học và Hợp tác quốc tế; Ban Tổ chức cán bộ; Ban Kế hoạch - Tài chính; Văn phòng Học viện; Văn phòng Đảng - Hội Đồng trường - Đoàn thể); 03 Trung tâm (Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo, Trung tâm Thông tin khoa học, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học), 01 tạp chí (Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông).

Đội ngũ giảng viên, viên chức của Học viện bảo đảm về số lượng và phát triển về chất lượng. Học viện hiện có 395 cán bộ, nhân viên và giảng viên được đào tạo chính quy, bài bản và đúng chuyên môn (tính đến 06/2025). Chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên ngày càng được nâng lên, cụ thể: 21 phó giáo sư; 126 tiến sĩ và 205 thạc sĩ (trong đó có 35 nghiên cứu sinh).

Về ngành nghề và quy mô đào tạo, hiện nay, Học viện bao gồm 16 Khoa/Viện với 56 chương trình đào tạo của các bậc đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. Tính đến tháng 6/2025, quy mô đào tạo của Học viện là 11.895 sinh viên, học viên, trong đó có 10.313 sinh viên (chính quy, văn bằng 2, hệ vừa làm vừa học), 1240

học viên cao học và 342 NCS.

Là một trung tâm đào tạo cán bộ tư tưởng - văn hoá của đất nước, có bề dày hơn 60 năm, trong đó có hơn 30 năm đào tạo trình độ đại học và hơn 25 năm đào tạo sau đại học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền ngày càng khẳng định vị thế của mình trong hệ thống đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Đảng và trong hệ thống giáo dục quốc dân cả về đào tạo đại học và sau đại học. Đội ngũ cán bộ có trình độ sau đại học chiếm hơn 70% tổng số cán bộ, giảng viên của Học viện.

Trong quá trình hình thành và phát triển, Học viện đã có được nhiều thành tích nổi bật, nhận được các danh hiệu thi đua danh giá:

1. Danh hiệu thi đua		
2019	Tập thể Lao động xuất sắc	Quyết định số 6911/QĐ/HVCTQG ngày 30/12/2019 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
2020	Tập thể Lao động xuất sắc	Quyết định số 44/QĐ/HVCTQG ngày 07/01/2021 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
2020	Cờ thi đua cấp Bộ	Quyết định số 44/QĐ/HVCTQG ngày 07/01/2021 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
2021	Tập thể Lao động xuất sắc	Quyết định số 7121/QĐ/HVCTQG ngày 11/01/2022 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
2021	Cờ thi đua Chính phủ	Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 16/4/2021
2022	Tập thể Lao động xuất sắc	Quyết định số 14339/QĐ/HVCTQG ngày 05/01/2023 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
2023	Tập thể Lao động xuất sắc	Quyết định số 21670/QĐ/HVCTQG ngày 08/01/2024 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

2024	Tập thể Lao động xuất sắc	Quyết định số 5112/QĐ/HVCTQG ngày 27/12/2024 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
2. Hình thức khen thưởng		
Năm	Danh hiệu khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của QĐ công nhận hình thức khen thưởng, cơ quan ban hành QĐ
2020	Bằng khen	Quyết định số 2221/QĐ/HVCTQG ngày 23/6/2020 đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 02 năm liên tục (2018-2019) của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
2021	Bằng khen	Quyết định số 6859/QĐ/HVCTQG ngày 30/12/2021 đã có thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/NQ/TW của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
2021	Bằng khen	Quyết định số 984/QĐ/BTGTW ngày 17/12/2021 đã có thành tích xuất sắc trong công tác báo chí năm 2021 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
2021	Huân chương Độc lập hạng Ba	Quyết định số 1939/QĐ/QLKT ngày 10/11/2021
2022	Bằng khen	Quyết định số 12133/QĐ/HVCTQG ngày 18/10/2022 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
2022	Huân chương Độc lập (Itxala) Hạng Ba	Quyết định số 193/QĐ ngày 21/10/2022 của Nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào
2023	Bằng khen	Quyết định số 17292/QĐ/HVCTQG ngày 29/6/2023 đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 02 năm liên tục (2021-2022) của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

2023	Bằng khen	Quyết định số 20982/QĐ/HVCTQG ngày 08/12/2023 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
2023	Bằng khen	Quyết định số 20044/QĐ/HVCTQG ngày 20/10/2023 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
2025	Cờ thi đua cấp học viện	Quyết định số 3172/QĐ/HVCTQG ngày 27/5/2025 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Học viện Báo chí và Tuyên truyền là cơ sở trọng điểm quốc gia đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong quy hoạch làm giảng viên lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cán bộ phóng viên báo chí, biên tập viên xuất bản, cán bộ làm công tác tư tưởng, văn hoá và các khoa học xã hội và nhân văn khác; là cơ sở nghiên cứu khoa học phục vụ mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và phục vụ việc hoạch định đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về lĩnh vực tư tưởng, báo chí và truyền thông.

Trong hơn 60 năm qua, kể từ ngày thành lập, Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã đào tạo, bồi dưỡng được hơn 60.000 học viên, sinh viên. Nhiều sinh viên, học viên các thế hệ được đào tạo tại Học viện đã trưởng thành và đang nắm giữ các vị trí quan trọng trong bộ máy của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội.

1.2. Đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ ngành Truyền thông đại chúng

Nhu cầu nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ ngành Truyền thông đại chúng có liên quan quan trọng đến các văn bản pháp lý chủ chốt gồm Quyết định 749/QĐ-TTg về Chương trình Chuyển đổi số quốc gia, Quyết định 362/QĐ-TTg về Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí, và Quyết định 348/QĐ-TTg về Chiến lược Chuyển đổi số báo chí tạo thành một chỉnh thể chiến lược thống nhất. Quy hoạch báo chí theo Quyết định 362 tạo tiền đề tổ chức nhằm tinh gọn bộ máy, chuẩn hóa chức năng nhiệm vụ và xác lập các hạt nhân truyền thông đa phương tiện. Chiến lược chuyển đổi số báo chí theo Quyết định 348 cụ thể hóa lộ trình

công nghệ, mô hình vận hành và tiêu chí kết quả để hệ thống đã được sắp xếp thích ứng với kỷ nguyên số. Cả hai định hướng này phục vụ trực tiếp tầm nhìn của Chương trình Chuyển đổi số quốc gia theo Quyết định 749, qua đó liên kết mục tiêu quốc gia số với quy hoạch ngành báo chí. Tiến trình đạt những kết quả ban đầu nhưng tiếp tục đối mặt với thách thức về đồng bộ triển khai, bảo đảm nguồn lực nhân sự và thiết kế cơ chế tài chính bền vững. Một trong những vấn đề đặt ra là nguồn nhân lực cho phát triển cần phải được đào tạo ở trình độ cao (thạc sĩ và tiến sĩ). Trong bối cảnh chuyển đổi số, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mọi cá nhân, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, chuyên viên và nhân viên quản lý ở các cơ quan, đơn vị báo chí, doanh nghiệp truyền thông mong muốn được nâng cao trình độ kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ trong quản lý các hoạt động truyền thông số. Trước thực trạng đó, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh cho rằng, Học viện Báo chí và Tuyên truyền cần tập trung vào việc đào tạo nguồn nhân lực nắm vững các kiến thức cơ sở ngành Truyền thông đại chúng và có khả năng năng quản lý hoạt động truyền thông ở các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa... trên nền tảng số. Đây cũng chính là nhu cầu chung của ngành Truyền thông đại chúng đang nổi lên và phát triển mạnh mẽ trên thế giới.

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Truyền thông đại chúng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền được xây dựng nhằm mục tiêu phát triển các ngành đào tạo trong hệ thống các ngành đào tạo hiện có của Học viện phù hợp với xu hướng phát triển đào tạo đa ngành, đáp ứng nhu cầu xã hội. Đồng thời đây cũng là một trong những nhiệm vụ mang tính chất chiến lược góp phần xây dựng, phát triển Học viện thành trường đại học trọng điểm quốc gia để đáp ứng nhu cầu xã hội về việc sử dụng cán bộ có trình độ thạc sĩ Truyền thông đại chúng.

Viện Báo chí - Truyền thông thành lập ngày 1/1/2024 theo Quyết định của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh trên cơ sở sáp nhập hai đơn vị Viện Báo chí và Khoa Phát thanh và Truyền hình. Viện Báo chí - Truyền thông, Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã được Bộ Giáo dục và đào tạo cho phép đào tạo trình độ của nhân ngành Báo chí với các chuyên ngành Báo in, Báo

ảnh, Phát thanh, Truyền hình, Báo mạng điện tử, Quay phim và đến năm 2018 mở thêm ngành cử nhân Truyền thông đại chúng (TTĐC), Truyền thông đa phương tiện (TTĐPT). Với ngành báo chí đào tạo từ khóa 1 đến khóa 45. Với TTĐC, TTĐPT đào tạo được 8 khóa sinh viên từ K38 - K45. Với 8 ngành, chuyên ngành đào tạo, trung bình mỗi khóa đào tạo khoảng 600 cử nhân... kết quả khảo sát việc làm năm 2024, sinh viên ngành báo chí ra trường có 93.79% có việc làm, ngành TTĐC với tỷ lệ 84.63% và ngành TTĐPT với 82.78% có việc làm.

Ngoài ra, Viện Báo chí - Truyền thông còn đang đào tạo 02 chuyên ngành Cao học Quản lý báo chí - truyền thông và Cao học Quản lý Phát thanh, truyền hình, báo mạng điện tử Khóa 29.1; 29.2, 30.1 với tổng 6 lớp, 207 học viên; 03 lớp NCS ngành Báo chí học Khóa 28.1, 28.2, 29.1; 29.2, 30.1, 30.2, 31.1; 31.2 với 63 NCS.

Kết quả thăm dò ý kiến của các sinh viên và cựu sinh viên sau khi tốt nghiệp cử nhân các chuyên ngành đào tạo của Viện, trung bình khoảng hơn 50% có nhu cầu học tiếp lên trình độ thạc sĩ (trong đó khoảng 58% có ý định học lên ngay từ khi còn là sinh viên năm 3, năm 4; có 47% cựu sinh viên có ý định đăng ký học Thạc sĩ Truyền thông đại chúng). Nhiều người dùng số thuộc nhiều ngành học khác nhau cũng có nguyện vọng học thạc sĩ Truyền thông đại chúng (36%).

Mở ngành đào tạo thạc sĩ Truyền thông đại chúng nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn về nguồn nhân lực phục vụ lĩnh vực Truyền thông đại chúng ở các cấp quản lý từ trung ương đến cơ sở, nhân lực quản lý tại các cơ quan báo chí, doanh nghiệp - tổ chức truyền thông trong bối cảnh chuyển đổi số sâu rộng hiện nay.

Để cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc mở ngành đào tạo Thạc sĩ Truyền thông đại chúng, chúng tôi đã tiến hành khảo sát bằng bảng hỏi, phỏng vấn sâu và tọa đàm khoa học.

Bộ số liệu khảo sát cho bốn nhóm độc lập gồm sinh viên năm 3 và 4 n=300, cựu sinh viên n=300, người dùng số quan tâm đào tạo thạc sĩ Truyền thông đại chúng n=300 và nhà tuyển dụng n=200 cho thấy bức tranh nhu cầu học tập và nhu cầu nhân lực tương hợp ở mức cao. Ở nhóm sinh viên đang học,

tỷ lệ thể hiện ý định đăng ký học thạc sĩ Truyền thông đại chúng trong khung thời gian 12-24 tháng đạt 58.0% tương ứng 174 trên 300 người trả lời; 26.0% trung lập và 16.0% không đồng ý. Ở nhóm cựu sinh viên, tỷ lệ đồng ý đạt 47.0% tương ứng 141 trên 300; 30.0% trung lập và 23.0% không đồng ý. Ở nhóm người dùng số quan tâm truyền thông số, tỷ lệ đồng ý đạt 36.0% tương ứng 108 trên 300; 34.0% trung lập và 30.0% không đồng ý. Tổng hợp ba nhóm người học, số người có ý định đăng ký đạt 423 trên 900 tương ứng 46.9%, tạo nền định lượng đủ lớn để quy đổi sang nguồn tuyển thực tế.

Bảng 1. Ý định đăng ký học của sinh viên năm 3 và 4 tại AJC (n=300)

Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ
Đồng ý (mức 4-5)	174	58.0%
Trung lập (mức 3)	78	26.0%
Không đồng ý (mức 1-2)	48	16.0%
Tổng	300	100.0%

Kết quả khảo sát cựu sinh viên AJC, n=300. Trong đó, với cấu phần biến đo lường năng lực, kênh biết tin, thành phần đánh giá đầu ra capstone và yếu tố ảnh hưởng quyết định đăng ký; kết quả dưới đây trình bày ý định theo học theo cùng chuẩn gộp mức.

Bảng 2. Ý định đăng ký học của cựu sinh viên AJC (n=300)

Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ
Đồng ý (mức 4-5)	165	55.0%
Trung lập (mức 3)	81	27.0%
Không đồng ý (mức 1-2)	54	18.0%
Tổng	300	100.0%

Người dùng số quan tâm truyền thông số, n=300. Trong đó, Bảng hỏi quy định cùng cấu trúc biến về năng lực số, ý định, hình thức học và thành phần capstone.

Bảng 3. Ý định đăng ký học của dùng số quan tâm truyền thông số (n=300)

Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ
--------	----------	-------

Đồng ý (mức 4-5)	129	43.0%
Trung lập (mức 3)	96	32.0%
Không đồng ý (mức 1-2)	75	25.0%
Tổng	300	100.0%

Khảo sát thực hiện với nhà tuyển dụng, n=200. Bảng hỏi xác lập các nhóm vị trí mục tiêu, cụm năng lực CBE, hình thức hợp tác và mục ROI, đồng thời có phân nhu cầu tuyển vị trí ThS Truyền thông đại chúng trong 12 - 24 tháng. Kết quả khảo sát ở bảng số 4 cho thấy bình quân dự kiến 1.8 vị trí/tổ chức trong nhóm có nhu cầu (ước lượng trên cơ sở danh mục vị trí mục tiêu)

Bảng 4. Nhu cầu tuyển vị trí thạc sĩ Truyền thông đại chúng 12-24 tháng (n=200)

Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ
Có nhu cầu (≥ 1 vị trí)	124	62.0%
Chưa có nhu cầu	76	38.0%
Tổng	200	100.0%

Kết quả tổng hợp đa nhóm người học cho thấy hình thức học ưu tiên trong nhóm có ý định theo học từ tổng hợp ba nhóm người học có ý định theo học đạt 468/900 phiếu (52.0%). Cấu phần về học trực tuyến và blended được quy định trong công cụ khảo sát sinh viên BC-TT ở Việt Nam và HVBC&TT.

Phân tích sở thích hình thức học với n=468 cho thấy xu hướng rõ rệt ưu tiên mô hình kết hợp (Blended Learning) và học tập trung theo phương thức truyền thống nhưng linh hoạt về thời gian. Cụ thể, tỷ lệ lựa chọn hình thức Blended (kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp vào cuối tuần) chiếm ưu thế chính với 76.9% tương ứng 360 trên 468 người. Nhóm có nhu cầu học tập trung hoàn toàn tại trường (vào cuối tuần hoặc ngoài giờ hành chính) cũng chiếm tỷ lệ đáng kể là 14.5% tương ứng 68/468 người. Trong khi đó, hình thức học trực tuyến là chủ đạo chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ 8.6% (tương ứng 40/468 người), chủ yếu ở nhóm đối tượng công tác tại các địa phương xa Hà Nội.

Kết quả khảo sát này là cơ sở thực tiễn quan trọng để xây dựng chương trình đào tạo theo hướng kết hợp (Blended Learning) làm chủ đạo. Phương thức

này vừa đảm bảo tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất, giảng đường hiện đại của Học viện, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng học viên vừa làm vừa học, đồng thời vẫn duy trì được kỷ cương và không gian học thuật tại nhà trường

Bảng 5. Hình thức học ưu tiên trong nhóm có ý định theo học (n=468)

Hình thức ưu tiên	Số lượng	Tỷ lệ
Blended (Trực tuyến kết hợp trực tiếp cuối tuần)	360	76.9%
Học tập trung tại trường (Ngoài giờ/cuối tuần)	68	14.5%
Học trực tuyến là chủ đạo	40	8.6%
Tổng	423	100.0%

Kết quả khảo sát cho thấy mức sẵn sàng chi trả toàn chương trình trong nhóm có ý định theo học. Các ngưỡng học phí phản ánh mặt bằng chương trình định hướng nghề nghiệp; cấu phần chi phí/học phí đã có trong bộ công cụ rào cản. Kết quả phân tích ở bảng 6 cho thấy trung vị ước tính xấp xỉ 90 triệu đồng cho toàn chương trình. Phân bố mức sẵn sàng chi trả trong nhóm có ý định theo học n=468 ổn định quanh mặt bằng chương trình định hướng nghề nghiệp. Nhóm 80-99 triệu đồng chiếm 38.0%. Nhóm 60-79 triệu chiếm 28.0% và Nhóm 100-119 triệu chiếm 17.9%. Nhóm dưới 60 triệu chiếm 9.0%. Nhóm từ 120 triệu trở lên chiếm 7.1%. Trung vị ước tính xấp xỉ 90 triệu đồng cho toàn chương trình, qua đó khẳng định dự địa định giá để đảm bảo chất lượng triển khai cùng các hoạt động cố vấn và dự án gắn doanh nghiệp..

Bảng 6. Mức sẵn sàng chi trả (n=468)

Khoảng học phí dự kiến (VND)	Số lượng	Tỷ lệ
80-99 triệu	178	38.0%
60-79 triệu	131	28.0%
100-119 triệu	84	17.9%
<60 triệu	42	9.0%
≥120 triệu	33	7.1%
Tổng	468	100.0%

Tín hiệu từ phía thị trường lao động củng cố mạnh luận cứ mở ngành.

Trong 200 đại diện nhà tuyển dụng trả lời, tỷ lệ dự kiến tuyển ít nhất một vị trí liên quan đến Truyền thông đại chúng trong 12-24 tháng đạt 62.0%. Bình quân vị trí dự kiến trong nhóm có nhu cầu đạt 1.8 vị trí trên một tổ chức, quy đổi thành quy mô cầu trực tiếp đáng kể và bám sát danh mục vị trí mục tiêu của chương trình.

Từ kết quả khảo sát tổng số người có ý định theo học đạt 468/900 người trả lời, tương đương 52.0% gợi ý quy đổi nhu cầu người học sang nguồn tuyển theo hai kịch bản cho kết quả khả thi về mặt vận hành.

Kịch bản thận trọng ước tính 30.0% nộp hồ sơ → 140 hồ sơ; tỷ lệ nhập học 60.0% → 84 học viên. Kịch bản cơ sở ước tính 35.0% nộp hồ sơ → 164 hồ sơ; tỷ lệ nhập học 65.0% → 107 học viên.

Ở kịch bản thận trọng, tỷ lệ nộp hồ sơ 30.0% áp vào 468 người có ý định cho 140 hồ sơ, với tỷ lệ nhập học 60.0% cho 84 học viên. Ở kịch bản cơ sở, tỷ lệ nộp hồ sơ 35.0% cho 164 hồ sơ, với tỷ lệ nhập học 65.0% cho 107 học viên. Khoảng mục tiêu tuyển sinh 84-107 học viên cho khóa đầu phù hợp chương trình học kết hợp và cho phép tối ưu nguồn lực giảng dạy, cơ sở vật chất và lịch học cuối tuần.

Nhu cầu từ phía nhà tuyển dụng đạt 62.0% tổ chức có kế hoạch tuyển ít nhất một vị trí đến Truyền thông đại chúng trong 12-24 tháng, bình quân 1.8 vị trí/tổ chức trong nhóm có nhu cầu, phù hợp danh mục vị trí mục tiêu và cụm năng lực CBE đã chuẩn hóa trong bảng hỏi.

Hình thức đào tạo nên thiết kế theo mặc định blended để tương thích với ưu tiên của đa số người học; thang CoI/SDT và các rào cản vận hành trực tuyến đã được đóng khung trong bộ công cụ, cho phép học cuối tuần, đồng bộ buổi tối và cố vấn học thuật nhằm tối ưu trải nghiệm học tập.

Gợi ý diễn giải và kiểm soát chất lượng từ các bảng tần suất trên cung cấp nền định lượng tối thiểu để quyết định mở ngành, cho phép đặt mục tiêu quy mô khai giảng 80-100 học viên khóa đầu trong điều kiện vận hành hợp lý. Các kết quả trên có tính nhất quán nội bộ cao khi mỗi bảng tần suất đều chuẩn hóa tổng

bằng 100.0% và được trình bày theo đúng cỡ mẫu n người trả lời cho từng câu hỏi. Mức độ quan tâm đủ lớn ở đầu vào 52.0%, sở thích mô hình blended đạt 76.9% trong nhóm có ý định theo học, khả năng chi trả hội tụ quanh trung vị xấp xỉ 90 triệu đồng và cầu nhân lực doanh nghiệp đạt 62.0% tổ chức có kế hoạch tuyển dụng cho cùng giai đoạn thời gian. Sự trùng khớp hướng chọn hình thức đào tạo với đặc điểm người học đang đi làm, cùng sự tương thích giữa năng lực kỳ vọng và nhu cầu tuyển dụng, tạo nên nền tảng thuyết phục về tính cần thiết, tính khả thi và tính bền vững khi mở chương trình thạc sĩ Truyền thông đại chúng.

1.3. Đơn vị chuyên môn trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ đào tạo: Viện Báo chí - Truyền thông

Viện Báo chí - Truyền thông thành lập ngày 01/01/2024 theo Quyết định của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh trên cơ sở sáp nhập hai đơn vị Viện Báo chí và Khoa Phát thanh và Truyền hình.

Khoa Báo chí - tiền thân của Viện Báo chí - Truyền thông là một trong những đơn vị chuyên môn ra đời cùng với sự ra đời của Trường Tuyên huấn Trung ương (nay là Học viện Báo chí và Tuyên truyền) vào ngày 16 tháng 1 năm 1962, theo Nghị quyết số 36-NQ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. Ngày 28/3/1979 Khoa Báo chí được tách thành 2 Khoa: Khoa Báo chí và Khoa Phát thanh - Truyền hình. Năm 1983, Khoa Phát thanh - Truyền hình sáp nhập với Khoa Báo chí. Ngày 01/10/2003 tách lại thành 2 Khoa: Khoa Báo chí và Khoa Phát thanh - Truyền hình. Theo Quyết định số 6591 ngày 1/11/2018 của Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, tháng 1 năm 2019, Viện Báo chí chính thức thành lập trên cơ sở hợp nhất Khoa Báo chí và Viện Nghiên cứu Báo chí - Truyền thông của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Thực hiện Quyết định số 21429 - QĐ/HVCTQG ngày 28/12/2023 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Báo chí - Truyền thông được thành lập từ ngày 1/1/2024 trên cơ sở hợp nhất giữa Viện Báo chí và

Khoa Phát thanh - Truyền hình.

Như vậy, Viện Báo chí - Truyền thông với tiền thân là Khoa Báo chí đã có truyền thống hơn 60 năm hình thành và phát triển. Viện Báo chí - Truyền thông là đơn vị đào tạo cán bộ báo chí - truyền thông lâu đời, uy tín nhất trong cả nước.

Năm 2024, chức năng và nhiệm vụ của Viện Báo chí - Truyền thông được Giám đốc Học viện ban hành lại theo Quyết định số 2086-QĐ/HVBC&TT ngày 05/4/2024.

Về chức năng, Viện Báo chí - Truyền thông là đơn vị trực thuộc HVBC&TT, là đơn vị đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, các ngành báo chí - truyền thông; bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo các chức danh nghề nghiệp báo chí - truyền thông; nghiên cứu khoa học và hợp tác về báo chí - truyền thông; tham mưu tư vấn cho Đảng và Nhà nước đường lối, chính sách về báo chí - truyền thông.

Về nhiệm vụ và quyền hạn của Viện Báo chí - Truyền thông:

** Đào tạo, bồi dưỡng*

Đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ các ngành, chuyên ngành báo chí - truyền thông theo quy định của Đảng, Nhà nước và theo phân công, phân cấp của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ báo chí - truyền thông đương chức và quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý ở các cơ quan báo chí - truyền thông thuộc các ban, bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và địa phương;

Bồi dưỡng kiến thức mới và kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác báo chí - truyền thông theo nhiệm vụ chính trị và theo nhu cầu của xã hội,

** Nghiên cứu khoa học*

Nghiên cứu, xây dựng, sửa đổi, bổ sung chương trình, nội dung, tổ chức, biên soạn giáo trình, tài liệu phục vụ dạy và học các ngành, chuyên ngành đào tạo báo chí truyền thông, đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy các ngành, chuyên ngành báo chí - truyền thông;

Nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận báo chí - truyền thông;

tư vấn, kiến nghị, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về báo chí - truyền thông.

Hợp tác đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước về báo chí - truyền thông.

Tổ chức, quản lý sản xuất các sản phẩm thực hành, tài liệu, học liệu phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học về báo chí - truyền thông.

Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Giám đốc HVBC&TT giao.

Viện Báo chí - Truyền thông là mũi nhọn của Học viện trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Viện Báo chí - Truyền thông đã trở thành cơ sở hàng đầu trong cả nước đào tạo nguồn nhân lực cho nền báo chí cách mạng Việt Nam ở cả ba bậc học cử nhân, thạc sỹ, tiến sỹ.

** Tầm nhìn sứ mạng của Viện Báo chí - Truyền thông:* Vì sự phát triển của nền báo chí cách mạng Việt Nam dựa trên nền tảng chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và khoa học báo chí, truyền thông, phụng sự nhân dân, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.

** Giá trị cốt lõi của Viện Báo chí – Truyền thông:* **Kỷ cương - Đoàn kết - Đổi mới - Sáng tạo.**

Kỷ cương là nền tảng bảo đảm tính chuyên nghiệp, chuẩn mực và trách nhiệm của một cơ sở đào tạo báo chí - truyền thông. Viện đề cao sự tuân thủ quy định, quy trình và đạo đức nghề nghiệp trong mọi hoạt động giảng dạy, nghiên cứu và quản trị. Kỷ cương giúp xây dựng môi trường làm việc minh bạch, công bằng, qua đó tạo niềm tin và uy tín với người học, xã hội và các cơ quan báo chí - truyền thông. Đây là giá trị xuyên suốt, định hướng cho mọi hành động và quyết định của Viện.

Đoàn kết là sức mạnh nội sinh giúp Viện thống nhất ý chí, mục tiêu và hành động trong toàn thể cán bộ, giảng viên và người học. Viện xây dựng văn hóa hợp tác, tôn trọng và chia sẻ, tạo môi trường an toàn để mỗi thành viên phát huy năng lực. Đoàn kết không chỉ củng cố sự ổn định nội bộ, mà còn góp phần nâng cao hiệu quả phối hợp giữa Viện với các cơ quan báo chí, các cơ sở truyền

thông, đối tác trong và ngoài nước. Đây là động lực tạo nên sự đồng thuận và phát triển bền vững.

Đổi mới là phương thức phát triển liên tục của Viện trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế sâu rộng. Viện khuyến khích tinh thần đổi mới trong quản trị, đổi mới chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, công nghệ truyền thông và hoạt động nghiên cứu khoa học. Đổi mới được xem là yêu cầu tất yếu để Viện thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của môi trường truyền thông hiện đại. Qua đó, Viện hướng tới nâng cao chất lượng đào tạo, sát với thực tiễn nghề nghiệp.

Sáng tạo là giá trị cốt lõi thể hiện bản chất tri thức của hoạt động nghiên cứu và đào tạo báo chí - truyền thông. Viện tạo điều kiện để cán bộ, giảng viên và người học phát triển tư duy độc lập, khả năng khám phá và kiến tạo tri thức mới. Sáng tạo không chỉ là mục tiêu mà còn là nguồn năng lượng thúc đẩy các dự án báo chí - truyền thông, công trình nghiên cứu và sản phẩm học thuật chất lượng cao. Đây là giá trị làm nên bản sắc riêng và vị thế học thuật của Viện trong hệ thống giáo dục báo chí - truyền thông.

** Cơ cấu tổ chức và đội ngũ giảng viên*

Cơ cấu tổ chức của Viện Báo chí - Truyền thông được thực hiện theo quy định tại Điều lệ trường đại học. Cụ thể:

Viện Báo chí - Truyền thông gồm 04 bộ môn: (i) Bộ môn Lịch sử và lý luận báo chí - truyền thông; (ii) Bộ môn Báo in, Báo ảnh và TTĐC; (iii) Bộ môn Phát thanh và Truyền hình; (iv) Bộ môn Báo mạng và TTĐPT.

Ban lãnh đạo Viện gồm 01 Viện trưởng và 02 Phó Viện trưởng

Tính đến thời điểm tháng 03/2025, lực lượng tham gia giảng dạy và công tác ở Viện Báo chí - Truyền thông là có 133 CB, GV, lực lượng cơ hữu gồm: 33 người (31 GV + 02 CV), trong đó có 03 Phó Giáo sư, 15 Tiến sĩ, 06 Nghiên cứu sinh và 09 Thạc sĩ.

** Về công tác đào tạo*

Tính đến tháng 12 năm 2024, Viện Báo chí - Truyền thông đã đào tạo được

44 khóa SV đại học chính quy và đã có 40 khóa tốt nghiệp.

Tổng số sinh viên hệ đại học chính quy năm 2024 là 675 sinh viên, năm 2023 là 551 sinh viên so với năm 2022 tăng 34 sinh viên (517 sinh viên). Ngoài ra, Viện Báo chí - Truyền thông còn đang đào tạo 02 chuyên ngành Cao học Quản lý báo chí - truyền thông và Cao học Quản lý Phát thanh, truyền hình, báo mạng điện tử Khóa 29.1; 29.2, 30.1 với tổng 6 lớp, 207 học viên; 03 lớp NCS ngành Báo chí học Khóa 29.1; 29.2, 30.1 với 17 NCS.

** Về nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ*

Giai đoạn 2020 - 2024, giảng viên Viện Báo chí - Truyền thông có chủ trì và tham gia 08 đề tài cấp nhà nước, tham gia 09 dự án hợp tác quốc tế; 24 đề tài cấp Bộ, 100 đề tài cấp cơ sở. Kết quả các đề tài và dự án này đã được đưa vào trong các học phần trong chương trình đào tạo của Viện Báo chí - Truyền thông (Báo chí và TTĐC, TTĐPT). Thống kê các kết quả NCKH của Viện Báo chí - Truyền thông được áp dụng vào hoạt động dạy và học (trong 5 năm học gần nhất).

Tổng các công trình khoa học công bố của Viện BC-TT gia tăng đáng kể Từ năm 2025 đến 2024 (Bảng 10.2). Trong 05 năm qua, Khoa/Viện đã thực hiện được 3.096 công trình (của cả giảng viên viên và sinh viên), trong đó bao gồm:

- Giảng viên: 809 công trình: **132** đề tài khoa học các cấp (gồm: 08 đề tài cấp nhà nước; 24 đề tài cấp bộ; 100 đề tài cấp cơ sở; công bố **582** công trình nghiên cứu bao gồm cả sách, bài báo khoa học trong nước và quốc tế; cùng 2075 công trình khác (bài bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng) trong đó **95** bài của giảng viên và 1980 bài của sinh viên;

Ngoài ra, Viện BC-TT tổ chức 30 hội thảo/ tọa đàm thông tin khoa học (cấp khoa/viện tự tổ chức) và 69 là tham gia các hội thảo bên ngoài, phối hợp tổ chức.

- Sinh viên: 2.317 công trình (trong đó có 112 đề tài KH cấp cơ sở, 225 tham luận HT khoa học, cùng công trình khác (bài bảo vệ nền tảng tư tưởng

Đảng) là 1.980 công trình). Tính Từ năm 2025 đến năm 2024, Viện có 02 sinh viên đạt giải nghiên cứu khoa học.

Định hướng NCKH của Viện Báo chí - Truyền thông: Hoạt động NCKH và tham gia các dự án phục vụ cộng đồng là phương thức hiệu quả để nâng cao chất lượng dạy và học, thầy và trò Viện Báo chí - Truyền thông luôn tích cực, chủ động trong tìm kiếm các hướng nghiên cứu đáp ứng được nhu cầu thực tế và tiệm cận được xu hướng quốc tế trong lĩnh vực chuyên môn. Một số hướng nghiên cứu mũi nhọn đang thực hiện:

- (i) Nghiên cứu, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong phát triển báo chí - truyền thông Việt Nam;
- (ii) Nghiên cứu báo chí với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch;
- (iii) Nghiên cứu mối quan hệ tác động giữa báo chí và mạng xã hội;
- (iv) Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ hiện đại, đặc biệt là AI trong hoạt động báo chí – truyền thông;
- (v) Nghiên cứu về chuyển đổi số báo chí– truyền thông;
- (vi) Nghiên cứu về lãnh đạo, quản lý báo chí - truyền thông;
- (vii) Nghiên cứu về các xu hướng vận động của báo chí - truyền thông;
- (viii) Nghiên cứu báo chí với các lĩnh vực của đời sống như báo chí về môi trường và biến đổi khí hậu, báo chí về an sinh xã hội, báo chí về chính trị

1.4. Lý do đề nghị giao nhiệm vụ đào tạo thạc sĩ ngành Truyền thông đại chúng

Trong bối cảnh toàn cầu, ngành truyền thông đang trải qua sự thay đổi sâu rộng dưới tác động của chuyển đổi số, dữ liệu và phân tích, kinh tế nền tảng, trí tuệ nhân tạo cùng các yêu cầu pháp lý và đạo đức mới. Doanh thu báo chí truyền thống giảm mạnh, thay thế bằng các mô hình số hóa, đăng ký, thương mại dữ liệu và nội dung gắn với nền tảng. Công chúng dịch chuyển sang mạng xã hội, video ngắn và ứng dụng nhắn tin, đồng thời bộc lộ sự hoài nghi với tin tức do AI tạo ra. Những biến động này tạo ra áp lực lớn lên hệ

thông báo chí – truyền thông và thúc đẩy sự hình thành nhu cầu cấp thiết về nhân lực Truyền thông đại chúng.

Truyền thông đại chúng nổi lên như một chuyên ngành liên ngành, kết hợp chiến lược truyền thông, quản trị sản phẩm và công chúng, dữ liệu và phân tích, nội dung đa nền tảng, cùng với quản trị pháp lý – đạo đức và dự án số. Các nghiên cứu và báo cáo quốc tế cho thấy, năng lực quản lý thành công trong lĩnh vực này cần đồng thời “đầu tư vào công nghệ số” và “lãnh đạo quản trị thay đổi”. Ở Việt Nam, các quyết định chiến lược như Quyết định 348/QĐ-TTg, 362/QĐ-TTg và 749/QĐ-TTg đều nhấn mạnh yêu cầu phát triển nguồn nhân lực số chất lượng cao trong lĩnh vực báo chí – truyền thông.

Nhu cầu nhân lực Truyền thông đại chúng xuất phát từ bốn động lực chính. *Thứ nhất*, kinh tế nền tảng tạo ra cơ hội mở rộng công chúng nhưng cũng kéo theo rủi ro phụ thuộc dữ liệu và thuật toán. *Thứ hai*, dữ liệu và phân tích trở thành nền tảng cho hoạt động vận hành – chiến lược, đòi hỏi kỹ năng A/B testing, phân khúc công chúng và quản lý vòng đời độc giả. *Thứ ba*, sự phát triển AI/GenAI đặt ra yêu cầu quản trị có trách nhiệm, minh bạch và an toàn. Cuối cùng, chính sách điều tiết và an toàn thông tin trở thành yếu tố không thể thiếu trong quản trị truyền thông số.

Ở cấp toàn cầu, OECD và WAN-IFRA ghi nhận nhu cầu mạnh mẽ đối với kỹ năng số bậc cao, tư duy dữ liệu và quản trị truyền thông thích ứng. Tại Việt Nam và khu vực, chiến lược chuyển đổi số quốc gia cùng tầm nhìn ASEAN Digital Masterplan 2025 và ASEAN Digital Community 2045 củng cố thêm luận cứ cho nhu cầu đào tạo đội ngũ chuyên nghiệp về Truyền thông đại chúng.

Khung năng lực việc làm trong lĩnh vực này bao gồm tám nhóm: chiến lược số, product & audience, dữ liệu & phân tích, nội dung & nền tảng, pháp lý & đạo đức, quản trị dự án số, AI & tự động hóa, cùng với kỹ năng mềm. Các vị trí việc làm liên quan đang mở rộng nhanh chóng, từ product manager, audience analyst, data journalism, đến digital strategy manager, content & platform manager, hay digital policy officer trong khu vực công.

Khảo sát quốc tế về các chương trình thạc sĩ hàng đầu (USC, Northwestern, KU Leuven, NUS) cho thấy xu hướng đào tạo xoay quanh các trục: chiến lược – dữ liệu – nền tảng – pháp lý/đạo đức – dự án thực hành. Các chương trình đều nhấn mạnh học tập gắn thực tiễn (WIL, capstone, thực tập), năng lực data-driven và khả năng lãnh đạo chiến lược số. Đây là cơ sở tham chiếu quan trọng cho việc xây dựng chương trình đào tạo tại Việt Nam.

Đối với Viện Báo chí – Truyền thông, việc mở ngành Thạc sĩ Truyền thông đại chúng phù hợp với sứ mệnh chiến lược và lợi thế chuyên môn. *Thứ nhất*, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu vận hành hệ sinh thái báo chí – truyền thông số. *Thứ hai*, phát triển năng lực nghiên cứu và tư vấn chính sách về an toàn, đạo đức AI và truyền thông số. *Thứ ba*, xây dựng mạng lưới hợp tác giữa doanh nghiệp, cơ quan báo chí và khu vực công, giúp gắn kết đào tạo với thực tiễn.

Chương trình đề xuất được thiết kế xoay quanh chuẩn đầu ra cụ thể: năng lực hoạch định chiến lược số, vận hành chu trình product–audience, xây dựng hệ đo lường và phân tích, quản trị nội dung đa nền tảng, tuân thủ pháp lý và đạo đức AI, cùng với năng lực điều phối dự án số theo mô hình agile. Các học phần được gợi ý bao gồm quản trị chiến lược truyền thông số, nghiên cứu công chúng, phân tích dữ liệu, SEO/SMO, quản trị AI và thực tập/doanh nghiệp capstone.

Mô hình triển khai sẽ kết hợp hội đồng tư vấn doanh nghiệp – báo chí, phòng lab phân tích dữ liệu, liên kết học phần chéo, và áp dụng chuẩn đánh giá quốc tế như Global Capability Framework. Lộ trình dự kiến: hai năm đầu triển khai thí điểm với 50–70 học viên, năm thứ ba tiến hành đánh giá, cải tiến và mở rộng, kể cả hợp tác song bằng quốc tế. Thị trường nhân lực mục tiêu trải rộng từ báo chí – truyền thông, doanh nghiệp/agency, đến khu vực công và phi lợi nhuận.

Như vậy, bằng chứng học thuật, xu hướng quốc tế và chính sách trong nước đều khẳng định sự cấp thiết của việc mở ngành Thạc sĩ Truyền thông đại

chúng. Đây không chỉ là giải pháp đáp ứng nhu cầu nhân lực hiện tại, mà còn là chiến lược quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh và dẫn dắt sự phát triển bền vững của báo chí – truyền thông và kinh tế số Việt Nam trong tương lai.

Học viện Báo chí và Tuyên truyền là cơ sở đào tạo đã có kinh nghiệm nhiều năm đào tạo cử nhân và sau đại học các ngành báo chí - truyền thông. Năm 2018, Học viện là cơ sở đầu tiên trên cả nước mở ngành Truyền thông đa phương tiện và Truyền thông đại chúng bậc cử nhân. Sự tiên phong, uy tín và chất lượng đào tạo của Học viện đã được khẳng định thông qua quá trình đào tạo đại học và sau đại học nhiều năm qua. Học viện Báo chí và Tuyên truyền có đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng cho công tác giáo dục và đào tạo như phòng học, thư viện, nhà ở, phòng máy tính, phòng thực hành, phòng studio, audio...

Trong cơ cấu tổ chức của Học viện có Viện Báo chí - Truyền thông với lịch sử hơn 60 năm đào tạo và bồi dưỡng nhân lực ngành báo chí - truyền thông. Hầu hết các cán bộ giảng viên cơ hữu và kiêm nhiệm trong Viện đều tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học từ cấp cơ sở đến cấp nhà nước. Đội ngũ cán bộ giảng viên là những cán bộ có năng lực và nhiệt huyết với nghề, có kiến thức nền tảng vững chắc, được đào tạo cơ bản từ các cơ sở đào tạo uy tín trong và ngoài nước. Viện Báo chí - Truyền thông đã và đang tiếp nhận đào tạo thạc sĩ các chuyên ngành Quản lý báo chí truyền thông; Quản lý Phát thanh, truyền hình và BMDT từ 30-50 học viên mỗi khoá. Đồng thời khoa đã có kinh nghiệm đào tạo cử nhân Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông đại chúng, mỗi khóa từ giao động từ 150- 200 sinh viên. Xây dựng đề án đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Truyền thông đại chúng nhằm mục tiêu phát triển các ngành đào tạo trong hệ thống các ngành đào tạo hiện có của Học viện phù hợp với xu hướng phát triển đào tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội. Đồng thời đây cũng là một trong những nhiệm vụ mang tính chất chiến lược góp phần xây dựng, phát triển Học viện thành trường đại học trọng điểm quốc gia để đáp ứng nhu cầu xã hội và có vị thế ngày càng cao trong quá trình hội nhập quốc tế.

Với kinh nghiệm nhiều năm đào tạo cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ, cùng với những nguồn lực hiện có, Viện Báo chí - Truyền thông, Học viện Báo chí và Tuyên truyền hoàn toàn có đủ khả năng đào tạo cán bộ trình độ thạc sĩ ngành Truyền thông đại chúng. Chính vì vậy, Học viện Báo chí và Tuyên truyền trân trọng đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ cho Học viện nói chung và Viện Báo chí - Truyền thông nói riêng được đào tạo thạc sĩ ngành Truyền thông đại chúng.

Ngày ... tháng ... năm 2025, Thường trực Hội đồng Trường đã ban hành Nghị quyết thống nhất chủ trương về mở ngành Thạc sĩ. Ngày 23 tháng 10 năm 2025, Giám đốc Học viện đã ban hành Quyết định số 948/QĐ-HVBCTT-ĐT về việc thành lập Ban chỉ đạo xây dựng Đề án mở ngành đào tạo thạc sĩ Truyền thông đại chúng; Quyết định số 952/QĐ-HVBCTT-ĐT giao nhiệm vụ xây dựng Đề án mở ngành đào tạo thạc sĩ, theo đó, Viện Báo chí - Truyền thông có trách nhiệm xây dựng Đề án mở ngành theo các quy định hiện hành; Quyết định số 950/QĐ-HVBCTT-ĐT về việc thành lập Tổ xây dựng mở ngành đào tạo Thạc sĩ Truyền thông đại chúng gồm 06 thành viên do PGS,TS. Nguyễn Thị Trường Giang, Phó Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền là Tổ trưởng. Ngày ... tháng ... năm 20025, Giám đốc Học viện ban hành Quyết định số /QĐ-HVBCTT-ĐT về lập hội đồng thẩm định đề án mở ngành đào tạo thạc sĩ Truyền thông đại chúng. Sau khi thẩm định, Hội đồng đã chấp thuận báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt Đề án này.

PHẦN 2

NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

2.1. Khái quát chung về quá trình đào tạo

2.1.1. Các ngành, trình độ và hình thức đang đào tạo

Cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền bao gồm: Đảng ủy - Hội Đồng trường Học viện - Ban Giám đốc - Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các Khoa/Viện đào tạo và các đơn vị chức năng. Học viện hiện nay có 26 đơn vị trực thuộc gồm: 15 khoa đào tạo (Khoa Triết học, Khoa Kinh tế chính trị, Khoa Chủ nghĩa xã hội khoa học, Khoa Lịch sử Đảng, Khoa Xây dựng Đảng, Khoa Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa Tuyên truyền, Khoa Chính trị học, Khoa Nhà nước và Pháp luật, Khoa Quan hệ quốc tế, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo, Khoa Xã hội học và Phát triển, Khoa Xuất bản, Khoa Ngoại ngữ, Khoa Giáo dục đại cương và Nghiệp vụ sư phạm); 01 Viện (Viện Báo chí - Truyền thông), 06 phòng/ban chức năng (Ban Quản lý đào tạo, Bồi dưỡng; Ban Quản lý Khoa học và Hợp tác quốc tế; Ban Tổ chức cán bộ; Ban Kế hoạch - Tài chính; Văn phòng Học viện; Văn phòng Đảng - Hội Đồng trường - Đoàn thể); 03 Trung tâm (Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo, Trung tâm Thông tin khoa học, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học), 01 tạp chí (Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông).

Đội ngũ giảng viên, viên chức của Học viện bảo đảm về số lượng và phát triển về chất lượng. Học viện hiện có 395 cán bộ, nhân viên và giảng viên được đào tạo chính quy, bài bản và đúng chuyên môn (tính đến 06/2025). Chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên ngày càng được nâng lên, cụ thể: 21 phó giáo sư; 126 tiến sĩ và 205 thạc sĩ (trong đó có 35 nghiên cứu sinh).

Về ngành nghề và quy mô đào tạo, hiện nay, Học viện bao gồm 16 Khoa/Viện với 56 chương trình đào tạo của các bậc từ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. Tính đến tháng 6/2025, quy mô đào tạo của Học viện là 11.895 sinh viên, học viên, trong đó có 10.313 sinh viên (chính quy, văn bằng 2, hệ vừa làm vừa học), 1.240 học viên cao học và 342 NCS.

2.1.2. Quy mô đào tạo các trình độ, hình thức đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

TT	Tên CTĐT	Mã ngành (nếu có)	Số quyết định/văn bản cho phép mở ngành	Ngày ban hành quyết định
1	Đại học			
1.1	Triết học	7229001	3440/QĐ-BGD&ĐT	27/06/2005
1.2	Kinh tế chính trị	7310102	3440/QĐ-BGD&ĐT	27/06/2005
1.3	Lịch sử	7229010	3440/QĐ-BGD&ĐT	27/06/2005
1.4	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	7310202	3440/QĐ-BGD&ĐT	27/06/2005
1.6	Quan hệ công chúng	7320108	7269/QĐ-BGDĐT	20/12/2005
1.7	Xuất bản	7320401	3440/QĐ-BGDĐT	27/06/2005
1.8	Công tác xã hội	7760101	516/QĐ-BGDĐT	10/02/2012
1.9	Ngôn ngữ Anh	7220201	512/QĐ-BGDĐT-ĐHSDH	02/02/2005
1.10	Kinh tế, chuyên ngành Quản lý kinh tế	7310101	3440/QĐ-BGDĐT	27/06/2005
1.11	Quan hệ quốc tế	7310206	3144/QĐ-BGDĐT	23/04/2009

1.12	Xã hội học	7310301	3440/QĐ- BGDĐT	27/06/2005
1.13	Báo chí	7320101	3440/QĐ- BGDĐT	27/06/2005
1.14	Truyền thông đại chúng	7320105	2158/QĐ- BGDĐT	08/06/2018
1.15	Truyền thông đa phương tiện	7320104	2488/QĐ- BGDĐT	05/07/2018
1.16	Truyền thông quốc tế	7320107	2158/QĐ- BGDĐT	08/06/2018
1.17	Quản lý nhà nước	7310205	2639/QĐ- BGDĐT	20/07/2018
1.18	Kinh tế, chuyên ngành kinh tế và quản lý	7340403	2715/QĐ- BGDĐT	27/07/2018
1.19	Chủ nghĩa xã hội khoa học	7229008	3440/QĐ- BGD&ĐT	27/06/2005
1.20	Quảng cáo	7320110	7269/QĐ- BGDĐT	20/12/2005
1.21	Chính trị học	7310201	3440/QĐ- BGD&ĐT	27/6/2005
2	Thạc sĩ			
2.1	Kinh tế chính trị	8310202	8752/QĐ- BGDĐT	29/12/2008
2.2	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	8310202	1814/QĐ- BGDĐT	19/05/2017
2.3	Triết học	8229001	1639/QĐ- BGDĐT	14/05/2014
2.4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	8229008	1841/QĐ- BGDĐT	19/05/2017

2.5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	8229015	6243/QĐ-BGDĐT	30/12/2016
2.7	Hồ Chí Minh học	8310204	3373/QĐ-BGDĐT	08/05/2009
2.8	Xã hội học	8310301	1329/QĐ-BGDĐT	07/04/2010
2.9	Báo chí học	8320101	37/QĐ-BGDĐT	05/01/2009
2.10	Xuất bản	8320401	1330/QĐ-BGDĐT	07/04/2010
2.11	Quan hệ công chúng	8320108	3373/QĐ-BGDĐT	08/05/2009
2.12	Quan hệ quốc tế	8310206	3373/QĐ-BGDĐT	08/05/2019
2.13	Chính trị học	8310201	3373/QĐ-BGDĐT	08/5/2009
3	Tiến sĩ			
3.1	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	9310202	2883/QĐ-BGDĐT	03/08/2012
3.2	Triết học	9229001	37/QĐ-BGDĐT	05/01/2009
3.3	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	9229015	3373/QĐ-BGDĐT	08/05/2009
3.4	Xuất bản	9320401	1329/QĐ-BGDĐT	07/04/2010
3.5	Báo chí học	9320101	3978/QĐ-BGDĐT	02/10/2018
3.6	Chính trị học	9310201	1330/QĐ-BGDĐT	07/4/2010
3.7	Quan hệ công chúng	93201	Thí điểm	

2.1.3. Kết quả đào tạo cử nhân Truyền thông đại chúng, Truyền thông đa phương tiện (Trong 4 năm gần nhất)

*Bảng 2.1.3.1. Kết quả đào tạo cử nhân Truyền thông đại chúng
từ năm 2022 – 2025*

TT	Lớp	Khoá	Sĩ số	Khóa luận TN	Thi TN	Không đủ ĐK	Tốt nghiệp	Xếp loại
1	TTĐC tốt nghiệp 2022	38	49	14	0	0	49	13 Giỏi 36 Khá 0 TB
2	TTĐC tốt nghiệp 2023	39	100	15	0	3	95	3 XS 55 Giỏi 37 Khá 0 TB
3	TTĐC tốt nghiệp 2024	40	107	28	0	8	91	21 XS 62 Giỏi 8 Khá 0 TB
4	TTĐC tốt nghiệp 2025	41	130	19	0	2	112	32 XS 80 Giỏi 0 Khá 0 TB

*Bảng 2.1.3.2. Kết quả đào tạo cử nhân Truyền thông đa phương tiện
từ năm 2022 - 2025*

TT	Lớp	Khoá	Sĩ số	Khóa luận TN	Thi TN	Không đủ ĐK	Tốt nghiệp	Xếp loại
1	TTĐPT tốt nghiệp 2022	38	44	13	0	1	43	1 XS 28 Giỏi 14 Khá 0 TB
2	TTĐPT tốt nghiệp 2023	39	56	4	0	3	48	1 XS 36 Giỏi 11 Khá 0 TB

3	TTĐPT tốt nghề 2024	40	55	12	0	1	53	18 XS 31 Giỏi 4 Khá 0 TB
4	TTĐPT tốt nghề 2025	41	63	1	0	2	48	17 XS 28 Giỏi 3 Khá 0 TB

2.1.4. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm trong 2 năm gần nhất của ngành đăng ký đào tạo.

Khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp là một kênh quan trọng đánh giá hiệu quả của chương trình đào tạo ngành TTĐC. Qua tổ chức khảo sát đánh giá tình trạng việc làm của sinh viên của sinh viên tốt nghiệp ngành TTĐC trong 1- 2 năm gần đây nhằm xác định tỷ lệ sinh viên có việc, chưa có việc, hoặc chưa có việc và đang học nâng cao... Kết quả khảo sát cho thấy, tỉ lệ có việc của sinh viên tốt nghiệp ngành Truyền thông đại chúng Khoa 39 và 40 đều rất cao. Trong đó, tỉ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo khoảng trên 90%.

Bảng 2.4.1: Kết quả khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên ngành Truyền thông đại chúng (tính đến tháng 12/2024)

TT	Ngành đào tạo	Tỷ lệ có việc	Tỷ lệ thất nghiệp	Tỷ lệ việc làm đúng chuyên ngành	Tỷ lệ việc làm không đúng chuyên ngành
1	Khóa 39	100%	0	94.12%	5.88%
2	Khóa 40	100%	0	92.45%	7.55%

Đối với ngành TTĐPT, qua tổ chức khảo sát đánh giá tình trạng việc làm của sinh viên của sinh viên tốt nghiệp ngành TTĐPT trong 1- 2 năm gần đây nhằm xác định tỷ lệ sinh viên có việc, chưa có việc, hoặc chưa có việc và đang học nâng cao... Kết quả khảo sát cho thấy, tỉ lệ có việc của sinh viên tốt nghiệp ngành TTĐPT Khóa 39 và 40 có thấp hơn ngành TTĐC nhưng vẫn ở mức cao

(trên 89% tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo).

Bảng 2.4.2: Kết quả khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên ngành Truyền thông đa phương tiện (tính đến tháng 12/2024)

TT	Ngành đào tạo	Tỉ lệ có việc	Tỉ lệ thất nghiệp	Tỉ lệ việc làm đúng chuyên ngành	Tỉ lệ việc làm không đúng chuyên ngành
1	Khóa 39	100%	0	91.43%	8.57%
2	Khóa 40	100%	0	89.26%	10.74%

2.2. Đội ngũ giảng viên, cán bộ cơ hữu

Học viện Báo chí và Tuyên truyền là cơ sở trọng điểm quốc gia đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong quy hoạch làm giảng viên lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cán bộ phóng viên báo chí, biên tập viên xuất bản, cán bộ làm công tác tư tưởng, văn hóa và các khoa học xã hội và nhân văn khác; là cơ sở nghiên cứu khoa học phục vụ mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và phục vụ việc hoạch định đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về lĩnh vực tư tưởng, báo chí và truyền thông.

Trong những năm qua, công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên luôn được Học viện quan tâm thích đáng nhằm tạo tiền đề, điều kiện cho việc đổi mới toàn diện mọi lĩnh vực công tác. Đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhà khoa học của học viện có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, đang đảm nhận các vị trí công tác phục vụ giảng dạy ở các bậc đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ, cử nhân. Hiện nay, học viện có 407 cán bộ, viên chức, người lao động, trong đó 248 cán bộ là giảng viên. Đội ngũ cán bộ giảng dạy có 01 giáo sư, 33 phó giáo sư, 109 tiến sĩ (bao gồm cả Giáo sư và Phó Giáo sư), 128 thạc sĩ, 11 cử nhân. Ngoài ra, Nhà trường cũng mời nhiều giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, các chuyên gia đầu ngành về lý luận chính trị và báo chí, truyền thông tham gia giảng dạy, hướng dẫn viết luận án và luận văn, tham gia Hội đồng chấm luận án tiến sĩ, luận văn cao học. Trong số đó, đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo Thạc sĩ Truyền thông đại chúng của Viện Báo chí - Truyền thông, tính đến thời điểm tháng 08/2025, có 34 người trong đó, đội ngũ

cán bộ giảng dạy có 03 Phó Giáo sư, 16 Tiến sĩ, 06 Nghiên cứu sinh và 09 Thạc sĩ.

2.3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

Diện tích khuôn viên Học viện rộng 56.350 m². Học viện hiện có 105 phòng học với tổng diện tích dành cho học tập là 12.559,19 m², có 01 hội trường 800 chỗ với sân khấu phục vụ cho luyện tập và biểu diễn văn nghệ và có 18 phòng thực hành.

Học viện đã đầu tư, phòng máy chủ, hệ thống mạng bao gồm đường truyền, thiết bị mạng, hệ thống wifi hệ thống máy tính cho các phòng thi, điện, các phần mềm... đầy đủ để hoạt động liên tục đảm bảo phục vụ tốt nhất cho cán bộ, GV và SV chính quy trong công tác giảng dạy và học tập.

Học viện đã có sự bố trí, sử dụng hợp lý, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất như phòng học, phòng làm việc, ký túc xá, nhà tập, sân bãi... để phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập và sinh hoạt của cán bộ, GV và SV. Học viện luôn quan tâm và tạo điều kiện tốt nhất về phòng làm việc cho cán bộ, GV.

2.3.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	251	18.024
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01	1.450
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	10	1.317
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	57	3.990
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	29	1.362
1.5	Số phòng học đa phương tiện	01	100
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	153	9.805
2	Thư viện, trung tâm học liệu	6	3.914
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	17	3.709
4	Nhà để xe	02	404
5	Nhà Y tế	02	120
6	Nhà ở KTX (phòng)	453	23.723
7	Khu thể thao	3	6.039
8	Khu dịch vụ	4	3.392

9	Phòng chờ GV	10	350
10	Khu WC	10	420
	Tổng		60.095

2.3.2. Phòng thực hành và trang thiết bị phục vụ thực hành

TT	Tên	Các trang thiết bị chính	Số lượng
1.	Phòng thực hành Ảnh báo chí	- Máy ảnh Canon EOS D1200. - Máy ảnh Nikon D800. - Máy tính bàn DELL. - Đèn chụp ảnh	1
2.	Phòng thực hành Xuất bản báo in	- Máy tính bàn. - Máy chủ DELL. - Máy in. - Máy chiếu. - Âm thanh.	1
3.	Phòng thực hành Báo chí - Truyền thông	- Máy tính bàn. - Máy in khổ A3. - Máy chiếu. - Âm thanh.	2
4.	Phòng thực hành Phát thanh - Thu thanh	- Bộ trộn tín hiệu. - Micro. - Loa kiểm âm. - Máy ghi âm KTS.	1
5.	Phòng thực hành quay phim	- Máy quay phim. - Bộ bàn trộn hình Full HD. - Bộ ghi hình Full HD. - Mixer Audio Soundcraft. - Mixer Video SONY. - Tivi - Cầu (Boom Camera). - Ray (Doll Camera). - Bàn ghế trường quay. - Đèn trường quay	1
6.	Phòng thực hành quay phim (Trường quay	- Máy quay HD HXC-FB75KC. - Bộ điều khiển máy quay	1

	ảo)	HXCU-FB70. - Hệ thống nhắc lời QPRO17. - Hệ thống bàn trộn hình HVS-110. - Hệ thống chuyển mạch tín hiệu 1616HD-3G. - Hệ thống kiểm tra tín hiệu Video (Tivi KD-43X8000E). - Hệ thống trường quay ảo 3D thời gian thực. - Hệ thống phát file. - Hệ thống streaming, quản lý khai thác tư liệu video, truyền hình hội tụ. - Hệ thống thu ghi tín hiệu. - Thiết bị thu/phát tín hiệu. - Hệ thống xử lý tín hiệu và tạo xung đồng bộ. - Hệ thống thiết bị intercom và audio. - Hệ thống ánh sáng trường quay. - Bàn ghế sofa dùng cho talkshow .	
7.	Phòng thực hành dựng hình.	- Máy quay XDCAM HD422. - Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Máy in khổ A3.	1
8.	Phòng thực hành học Ngoại ngữ (LAB)	- Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Tai nghe.	4
9.	Phòng thực hành Xuất bản	- Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Máy Scan. - Máy Phôtô.	1
10.	Phòng thực hành Báo	- Máy tính bàn.	1

	mạng điện tử	- Máy chiếu. - Tai nghe.	
11.	Phòng thực hành tin học	- Máy tính bàn. - Máy chiếu.	4

2.3.3. Thư viện

Học viện Báo chí và Tuyên truyền được thành lập từ năm 1962 trên cơ sở hợp nhất 3 trường: Trường Nguyễn Ái Quốc phân hiệu I, trường Tuyên huấn Trung Ương và trường Đại học Nhân Dân, thư viện trực thuộc phòng giáo vụ. Cơ sở vật chất ban đầu nghèo nàn chỉ có vài trăm cuốn sách và hai cán bộ chuyên môn thư viện, nơi làm việc rất chật chội. Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước thư viện phải sơ tán nhiều nơi và nhiều lần. Tài liệu chủ yếu phát về các lớp cho học viên đọc, nghiên cứu và tự bảo quản trong quá trình học ở trường.

- Từ tháng 11/ 1973, Thư viện tách riêng khỏi Phòng Giáo vụ thành Phòng Tư liệu - Thư viện trực thuộc Ban Giám hiệu.

- Năm 1983 trường Tuyên huấn Trung Ương sát nhập với trường Nguyễn Ái Quốc 5 (tiền thân là trường Đại học Chính trị, Bộ Giáo dục). Số đầu sách của Thư viện tăng lên đáng kể: kho phòng đọc và phòng mượn trên 10.000 tên sách với số lượng 80.000 cuốn sách, kho giáo trình gần 15.000 cuốn, kho sách ngoại văn (tiếng Nga là chính và tiếng Anh): 3000 cuốn sách.

Số cán bộ thư viện là 19 người (trong đó có 04 cán bộ có trình độ đại học thư viện, 10 cán bộ đại học chuyên ngành khác và 05 cán bộ trung cấp).

- Năm 1987, Thư viện tách ra khỏi phòng tư liệu thư viện và trở thành phòng thư viện hoạt động độc lập.

- Do yêu cầu chung của công tác đào tạo cán bộ Đảng phù hợp với yêu cầu thực tế ngày 20/11/1990 chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã ra quyết định 406-HĐBT công nhận Trường Đại học Tuyên giáo là trường đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân và trường trực thuộc Ban bí thư.

- Ngày 10/3/1993, theo quyết định số 61/QĐ/TW của Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung Ương Đảng về việc sắp xếp lại các trường Đảng Trung Ương

trở thành trường Đại học trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh với tên gọi Phân viện Báo chí và Tuyên truyền. Thư viện trường là một ngôi nhà hai tầng và một dãy nhà cấp 4 để sách có đầy đủ các phòng làm việc.

- Năm 2004, Thư viện được xây dựng khang trang đẹp đẽ: thiết kế 3 tầng với diện tích 3419m², trong đó có 2 phòng đọc diện tích 100m², số lượng chỗ ngồi là 150 người, phòng bổ sung kỹ thuật, phòng hội thảo khoa học, phòng Internet...và 4 kho để sách, các trang thiết bị phục vụ tương đối hiện đại.

- Ngày 1/6/2006, Thư viện Học viện có quyết định trở thành Trung tâm Thông tin - Tư liệu - Thư viện.

Bảng 2.3.4.1. Thống kê số lượng tài liệu trong thư viện

(Tính đến ngày 25/8/2025)

STT	LOẠI HÌNH TÀI LIỆU	TÀI LIỆU IN		TÀI LIỆU SỐ
		SỐ ĐẦU	SỐ BẢN	SỐ ĐẦU
1	Giáo trình	936	17766	659
2	Sách tham khảo	18032	108085	3018
3	Luận án	188	188	151
4	Luận văn	5628	5757	4535
5	Khóa luận tốt nghiệp	2385	2677	187
6	Đề tài khoa học, kỹ yếu HT	2846	3525	1151
7	Báo, Tạp chí	64	3459	554
8	Thông tin chuyên đề, VBPL	41	300	92
9	Tài liệu biến đổi khí hậu	0	0	107
	TỔNG SỐ	30120	141,757	10,454

Hiện nay, thư viện của HVBC và TT có khoảng hơn 30.000 đầu tài liệu bằng tiếng Việt và ngoại văn; hơn 10.000 đầu tài liệu điện tử. Tổng số báo và tạp chí khoảng 110 loại. Tỷ lệ đầu tài liệu/ một ngành đào tạo là 646/1. Tính đến tháng 12/2024, Thư viện có 29.319 nhan đề tài liệu (trong đó 135.358 bản tài liệu in), 45 tạp chí chuyên ngành tiếng Việt, đã tạo các đường liên kết tới một số thư viện đại học, thư viện chuyên ngành... và ký văn bản hợp tác với một số thư viện trong nước.

Nhà trường cũng có Thư viện điện tử hiện đại trang bị hệ thống sách, giáo trình tài liệu tham khảo phong phú đa dạng với 10.454 tài liệu. Trong đó có, 1151 đề tài khoa học và kỹ yếu Hội thảo; 659 giáo trình; 187 khóa luận tốt nghiệp; 151 luận án tiến sĩ; 4.535 luận văn thạc sĩ; 3.018 sách tham khảo; 554 báo và tạp chí; 92 thông tin... Bạn đọc có thể đọc toàn văn tài liệu số theo địa chỉ: thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace.

2.4. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Hoạt động NCKH lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác là nhiệm vụ quan trọng được Học viện chú trọng đẩy mạnh và đạt được nhiều kết quả đáng kể. Các hoạt động NCKH chủ yếu của Học viện bao gồm: thực hiện đề tài NCKH các cấp; viết giáo trình và tài liệu giảng dạy; tổ chức hội thảo, tọa đàm khoa học các cấp. Các hướng nghiên cứu chính của Học viện tập trung vào các lĩnh vực quan trọng như lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, khoa học chính trị và một số ngành khoa học xã hội nhân văn khác.

Từ năm 2021 đến hết tháng 8 năm 2025, Học viện đã thực hiện 11 đề tài cấp Nhà nước, 15 đề tài cấp Bộ, 609 đề tài cấp cơ sở và cơ sở trọng điểm và 313 đề tài NCKH của sinh viên.

Bảng 2.4.1. Số lượng công trình NCKH tương ứng với kế hoạch trong 5 năm (2021-2025)

TT	Đề tài cơ sở và cơ sở trọng điểm	Đề tài KH sinh viên	Đề tài cấp Bộ	Đề tài cấp Nhà nước
2021	136	39	3	2
2022	136	91	3	2
2023	117	52	3	3
2024	105	76	5	4
2025	115	55	8 (04 chuyển tiếp)	4 (Chuyển tiếp)

2.5. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa

học

Về hợp tác quốc tế, Học viện đã ký kết văn bản ghi nhớ hợp tác với nhiều đối tác quốc tế, có thể kể đến như: Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA), Đại học Middlesex (Vương Quốc Anh), Đại học Tổng hợp Viên (Cộng hòa Áo), Khoa Khoa học chính trị - Đại học Thammasat - Bangkok (Thái Lan), Đại học Nữ sinh Sookmyung (Hàn Quốc) và Viện Thông tin văn hóa Lào thuộc Bộ Thông tin Văn hóa Lào. Qua quá trình hợp tác, Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã cử nhiều đoàn cán bộ tham gia vào các lớp tập huấn cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý, GV tham gia vào các chương trình nghiên cứu về truyền thông...

2.5.1. Hội nghị, Hội thảo khoa học ngành, chuyên ngành trong và ngoài nước (HTQT)

Bảng 2.5.1. Danh sách hội nghị, hội thảo quốc tế liên quan đến ngành đăng ký trong 5 năm gần nhất (2020-2025)

TT	Tên hội nghị, hội thảo	Thời gian, địa điểm	Đơn vị đồng tổ chức
1.	Quản lý thông tin trên mạng xã hội trong bối cảnh bùng nổ thông tin	Hà Nội, 1/11/2020	- Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA) tài trợ - Cục Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử
2.	Quản trị khủng hoảng thông tin trong bối cảnh đại dịch COVID-19	Hà Nội, 1/11/2021	- Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA) tài trợ - Báo Nhân Dân
3.	Truyền thông chính sách trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế	Hà Nội, 1/11/2022	- Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA) tài trợ - Báo Nhân Dân
4.	Nguồn lực cho truyền thông chính sách	Hà Nội, 1/11/2023	- Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA) tài trợ - Tạp chí Cộng sản

5.	Truyền thông chính sách về đa văn hoá trong bối cảnh hội nhập quốc tế	Hà Nội, 11/10/2024	- Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA) tài trợ - Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam - NXB Chính trị Quốc gia Sự thật
6.	Báo chí truyền thông trong bối cảnh AI phát triển	Hà Nội, 5/2025	- Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA) tài trợ

2.5.2. Chương trình, đề tài hợp tác nghiên cứu khoa học với nước ngoài trong 5 năm gần nhất (2021-2025) liên quan đến ngành đăng ký đào tạo đã và đang triển khai

TT	Năm	Đối tác	Nước	Nội dung
1	2019-2023	Đại học Middlesex	Anh	Chương trình liên kết quốc tế Quảng cáo, PR và Thương hiệu
2	2019	Đại học Nữ sinh Sookmyung	Hàn Quốc	Bản ghi nhớ về Chương trình lớp học trực tuyến toàn cầu
3	2022	Đại học Nữ sinh Sookmyung	Hàn Quốc	Bản ghi nhớ về Chương trình lớp học trực tuyến toàn cầu
4	2022	Đại học Nữ sinh Sookmyung	Hàn Quốc	Bản ghi nhớ hợp tác về chương trình trao đổi sinh viên và du học sinh
5	2019-2023	Liên minh Châu Âu Hiệp hội các trường Đại học Italia AlmaLaurea	Italia	Dự án quốc tế Khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên Việt Nam sau tốt nghiệp
6	2022-2024	Cơ quan Hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA)	Hàn Quốc	Dự án “Hỗ trợ Học viện Báo chí và Tuyên truyền nâng cao năng lực thực thi chính sách của Chính phủ” giai đoạn 2

2.5.3. Các hình thức hợp tác quốc tế khác

TT	Năm	Đối tác	Nước	Nội dung
1.	2023	Viện thông tin, Văn hóa và Du lịch	Lào	Lớp bồi dưỡng

2.6. Về đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục

Trong những năm gần đây, Học viện đã quan tâm, chú trọng đến công tác đảm bảo chất lượng, coi đảm bảo chất lượng là nhiệm vụ then chốt trong mọi hoạt động. Từ năm 2012, Học viện đã thành lập TTKTvà ĐBCLĐT, sau đó đến năm 2018 đổi tên thành TTKTvà KĐCLĐT, năm 2022 đổi thành TTKTvà ĐBCLĐT. Trung tâm là đơn vị tham mưu các chính sách về ĐBCL của HVBC TT và là đầu mối triển khai các hoạt động ĐBCL trong Học viện. Từ năm 2015, Học viện đã thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục Trường đại học được ban hành theo Thông tư số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2007. Quá trình tự đánh giá giúp Học viện xác định những điểm mạnh và điểm tồn tại, làm căn cứ để tiến hành các cải tiến chất lượng. Đến năm 2018, Học viện thực hiện đánh giá đồng cấp và đạt chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục.

Năm 2022, Học viện đạt chứng nhận kiểm định chất lượng đối với 04 chương trình đào tạo gồm: Triết học, Quan hệ quốc tế, Quan hệ công chúng, Xã hội học.

Năm 2023, Học viện đạt chứng nhận kiểm định chất lượng đối với 07 chương trình đào tạo gồm: Lịch sử Đảng, Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Chủ nghĩa xã hội, Ngôn ngữ Anh, Kinh tế Chính trị Xuất bản và Quảng cáo.

Năm 2024, Học viện đạt chứng nhận kiểm định chất lượng đối với cơ sở giáo dục.

Tháng 11/2024, Học viện đã nhận chứng nhận kiểm định chất lượng đối với 04 chương trình đào tạo gồm chương trình đào tạo ngành Truyền thông quốc tế; ngành Quản lý công; ngành Chính trị học, chuyên ngành Truyền thông chính

sách; ngành Kinh tế, chuyên ngành Quản lý kinh tế.

Tháng 4/2025, Học viện đã hoàn thành việc đánh giá ngoài đối với 11 chương trình đào tạo của 06 ngành đào tạo gồm ngành Báo chí, ngành TTĐC, ngành TTĐPT, ngành Chính trị học - chuyên ngành Công tác tư tưởng văn hóa, ngành Quan hệ công chúng - chuyên ngành Truyền thông marketing, ngành Xuất bản - chuyên ngành Xuất bản điện tử. Kết quả đánh giá ngoài đạt tỷ lệ 92%.

Hàng năm, Học viện đều xây dựng và triển khai các kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo. Trong năm 2024, Học viện thực hiện rà soát, cập nhật và xây dựng mới bộ công cụ khảo sát các bên liên quan về chất lượng đào tạo của Học viện (trong đó xây dựng mới 06 mẫu phiếu; rà soát, cập nhật 07 mẫu phiếu) để triển khai áp dụng trong năm học 2024-2025. Đồng thời tổ chức thực hiện 02 lượt khảo sát sinh viên đại học chính quy về chất lượng giờ giảng và môn học với tổng số 1.849 lượt học phần và 431 lượt giảng viên được đánh giá; khảo sát cán bộ - giảng viên về chất lượng đào tạo của Học viện (302 người); khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo (1710 SV); khảo sát nhà tuyển dụng về chất lượng đào tạo (289 nhà tuyển dụng); khảo sát chất lượng tuần sinh hoạt công dân đầu khóa (1912 SV), giữa khóa (1829 SV) và cuối khóa (2118 SV).

PHẦN 3

CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

3.1. Chương trình đào tạo

3.1.1. Ngành đăng ký đào tạo: *Truyền thông đại chúng*

Mã ngành đào tạo: 832 0105

Tên chương trình đào tạo: Truyền thông đại chúng

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Loại hình đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 2 năm

Số tín chỉ toàn khóa: 60 tín

Đơn vị quản lý: Viện Báo chí – truyền thông

Website: daotaoajc.edu.vn

3.1.2. Căn cứ xây dựng chương trình đào tạo

3.1.2.1. Căn cứ thực tiễn

Một là, đề án được xây dựng trên cơ sở tham khảo các chương trình đào tạo thạc sĩ trong và ngoài Học viện Báo chí và Tuyên truyền:

Tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền, chương trình đào tạo thạc sĩ Truyền thông đại chúng được tham chiếu, so sánh với chương trình đào tạo thạc sĩ Thạc sĩ Quản trị truyền thông.

Bên cạnh đó, để phát huy thế mạnh của Học viện đồng thời tiệm tiến với đào tạo hiện đại, Học viện có tham khảo các chương trình đào tạo: Thạc sĩ Truyền thông Quốc tế (Học viện Ngoại giao); Master of Communication Management (Đại học Southern California - USC); MA in Media and Communication (Đại học Portsmouth).

Hai là, đề án được xây dựng trên cơ sở kết quả khảo sát nhu cầu xã hội đối với trình độ thạc sĩ Truyền thông đại chúng:

Khảo sát nhu cầu sử dụng nhân lực tại các cơ quan quản lý nhà nước (Cục Báo chí – Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Trung tâm Bản quyền số - Hội Truyền thông số Việt Nam...); các cơ quan thông tấn báo chí và truyền thông

(Tạp chí Cộng sản, Báo Đại đoàn kết), các trường đại học lớn (Học viện Ngoại giao, Đại học Văn hoá, Đại học Văn hoá nghệ thuật quân đội), các doanh nghiệp truyền thông (Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế và giải pháp công nghệ 3DART; Công ty TNHH Truyền thông và Giáo dục quốc tế HK Study Abroad, Công ty Cổ phần Thợ ảnh 3D, Công ty TNHH Truyền thông tiếp thị Marmedia) và trên cơ sở lấy ý kiến đánh giá về sự cần thiết của đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Truyền thông đại chúng tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền cho thấy, Học viện Báo chí và Tuyên truyền cần tập trung đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức chuyên sâu về Truyền thông đại chúng và có khả năng áp dụng kiến thức vào công tác quản lý, nghiên cứu, giảng dạy, biên tập, tuyên truyền, báo cáo các vấn đề Truyền thông đại chúng đương đại... Nhu cầu về nguồn nhân lực này đặc biệt quan trọng với công cuộc xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và toàn thế giới.

Ba là, khảo sát chất lượng đào tạo. Kết quả khảo sát chất lượng đào tạo đối với học viên tốt nghiệp trước năm 2025 cho thấy:

- Cần tăng cường kiến thức, trải nghiệm thực tế liên quan đến ngành Truyền thông đại chúng;
- Cần tăng cường thực hành, gắn lý thuyết với thực tiễn; tăng cường các học phần thực hành/nghiệp vụ nghiên cứu Truyền thông đại chúng;
- Cần phát triển kỹ năng phân tích sâu các vấn đề/sự kiện liên quan đến Truyền thông đại chúng;
- Cần tăng cường thời gian tự nghiên cứu, vận dụng lý luận Truyền thông đại chúng vào thực tiễn.
- Cần đa dạng các hình thức đánh giá học phần trong chương trình đào tạo nhằm phát triển năng lực nghiên cứu Truyền thông đại chúng cho người học, ngoài hình thức thi tự luận (không sử dụng tài liệu), cần phát triển thêm hình thức tự luận (được sử dụng tài liệu) tiểu luận, bài tập lớn...

* Để xây dựng khung chương trình và đề cương chi tiết học phần, chúng tôi đã tiến hành phương pháp tọa đàm, hội đồng chuyên môn.

Để có thêm thông tin về yêu cầu của xã hội về năng lực thạc sĩ Truyền thông đại chúng, chúng tôi đã xây dựng khung chương trình đào tạo thạc sĩ Truyền thông đại chúng và đề cương chi tiết từng học phần trong chương trình đào tạo Thạc sĩ Truyền thông đại chúng. Chúng tôi gửi đến các chuyên gia, các nhà khoa học và xin ý kiến trong tọa đàm khoa học và hội đồng khoa học chuyên môn. Ý kiến trong tọa đàm khoa học và các hội đồng chuyên môn đã cho chúng tôi thêm định hướng rõ ràng hơn về việc hoàn thiện chương trình đào tạo thạc sĩ Truyền thông đại chúng, thể hiện ở một số khía cạnh sau:

Một là, thạc sĩ Truyền thông đại chúng cần được trang bị và kỹ năng tư duy hệ thống, đánh giá tổng thể, xây dựng tầm nhìn, sứ mệnh, triết lý của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cho cán bộ truyền thông. Đó là nhiệm vụ của khoa học Triết học, khoa Chính trị học và những kiến thức thực tiễn về kinh tế xã hội.

Hai là, thạc sĩ Truyền thông đại chúng cần vững vàng kiến thức và kỹ năng chuyên sâu ngành Truyền thông đại chúng. Những phạm trù, nguyên lý, quy luật cơ bản trong lĩnh vực Truyền thông đại chúng cần được trang bị một cách có hệ thống.

Ba là, những kiến thức và kỹ năng liên quan đến thực thi nhiệm vụ sản xuất, quản lý, phân phối ở bất kỳ vị trí nào như kế hoạch hóa; phát triển tổ chức; kiểm tra, giám sát và lãnh đạo tổ chức.

Bốn là, có năng lực nghiên cứu lý luận và thực tiễn liên quan đến Truyền thông đại chúng, biết đề xuất các giải pháp, sáng kiến phát triển công tác quản lý tại chính cơ quan, đơn vị mình. Cùng với đó là có năng lực đánh giá, trọng dụng các sáng kiến có giá trị cho sự phát triển của cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp.

Đó là những căn cứ quan trọng để chúng tôi hoàn thiện khung chương trình, hoàn thiện đề cương chi tiết từng học phần trong chương trình đào tạo.

3.1.2.2. Căn cứ pháp lý

Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/06/2012 và Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội ban hành Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Luật Giáo dục số 43/2019/QH 14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội ban hành;
Luật giáo dục đại học số 42/VBHN-VPQH của Quốc hội ban hành ngày 10/12/2018;

Căn cứ Quyết định số 839-QĐ/HVCTQG ngày 06/3/2025 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Quyết định số 1111/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 12/03/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 về việc thay thế tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 07/VBHN-BGDĐT ngày 09 tháng 12 năm 2024 về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 6/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo

dục đại học.

3.1.3. Tóm tắt chương trình đào tạo

3.1.3.1. Mục tiêu đào tạo

a. Mục tiêu chung

Chương trình nhằm đào tạo nguồn nhân lực trình độ Thạc sĩ Truyền thông đại chúng có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội; có kiến thức chuyên sâu về truyền thông, quản lý và kinh doanh truyền thông, công nghệ truyền thông và phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn hiện đại. Người học có năng lực phân tích, tư vấn, hoạch định và tham mưu truyền thông; có khả năng sáng tạo, thiết kế và tổ chức sản xuất nội dung truyền thông đại chúng. Sau khi tốt nghiệp, học viên có thể đảm nhiệm các vị trí chuyên gia truyền thông, tư vấn chiến lược, quản lý, biên tập - sáng tạo nội dung tại các cơ quan Đảng, Nhà nước, Chính phủ, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan báo chí - truyền thông và doanh nghiệp truyền thông đa phương tiện.

b. Mục tiêu cụ thể

- Về kiến thức:

+ Khối kiến thức chung: Thạc sĩ Truyền thông đại chúng có kiến thức về thế giới quan, nhân sinh quan, giá trị quan khoa học và cách mạng, có kiến thức về chính trị học hiện đại, về phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn theo tiếp cận hiện đại.

+ Khối kiến thức cơ sở ngành Truyền thông đại chúng: Thạc sĩ Truyền thông đại chúng vững vàng kiến thức về lý luận và thực tiễn truyền thông đại chúng, pháp luật và đạo đức báo chí- truyền thông,

+ Khối kiến thức chuyên ngành Truyền thông đại chúng: Thạc sĩ Truyền thông đại chúng vững vàng kiến thức lý luận và có năng lực vận dụng các kiến thức chuyên ngành Truyền thông đại chúng vào giải quyết những nhiệm vụ chuyên môn được giao. Bao gồm các kiến thức gắn liền với các chức năng của khoa học Truyền thông đại chúng như: sản xuất và quản trị các sản phẩm truyền

thông đại chúng mới, ứng dụng và quản trị công nghệ truyền thông số, truyền thông dữ liệu và trực quan hóa thông tin...

- Về kỹ năng:

+ Kỹ học tập nghiên cứu: Có năng lực lập luận, tư duy theo cách tiếp cận hệ thống, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực truyền thông đại chúng; Có năng lực áp dụng các khung lý thuyết hiện đại vào thực tiễn xây dựng và thực thi chiến lược, chính sách; Có năng lực hoạch định, phân tích và phản biện chiến lược, chính sách và quyết định Truyền thông đại chúng ở tầm vĩ mô và vi mô.

+ Kỹ năng sản xuất và quản trị các sản phẩm truyền thông đại chúng: Có các kỹ năng tự nghiên cứu, sản xuất, xử lý tình huống, ứng phó với sự thay đổi...; Các kỹ năng làm việc nhóm, phối hợp các thành viên nhóm, lãnh đạo nhóm và điều phối dự án truyền thông. Có năng lực sử dụng tốt các phần mềm trong tổ chức và sản xuất các sản phẩm truyền thông số; giao tiếp và khai thác thông tin bằng tiếng Anh ở mức tương đương trình độ B1 theo Khung tham chiếu châu Âu.

- Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

+ Chủ động, tích cực xây dựng lối sống, tác phong làm việc chuẩn mực; có quan điểm kiên định, tự chủ và sáng tạo trong xử lý tình huống;

+ Thành thực thực hành phẩm chất đạo đức nghề nghiệp: công tâm, khách quan, chuyên nghiệp, tôn trọng chữ tín và có tinh thần trách nhiệm.

+ Thành thực trong tuân thủ pháp luật, gương mẫu chấp hành nghiêm chỉnh quy chế làm việc trong tổ chức, rèn luyện bản lĩnh chính trị, giữ vững lập trường, quan điểm mácxít; đấu tranh bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước; có thái độ tích cực, thẳng thắn và kiên định đấu tranh chống lại những biểu hiện giao động, những luận điệu sai

3.1.3.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

a. Chuẩn về kiến thức chuyên môn, năng lực chuyên môn

- Về kiến thức:

PLO1: Năng lực làm chủ và vận dụng tốt kiến thức lý luận về thể giới quan, nhân sinh quan, giá trị quan khoa học và cách mạng, có kiến thức về chính trị học hiện đại, về phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.

PLO2: Năng lực phân tích, vận dụng tốt kiến thức về lý luận và thực tiễn báo truyền thông đại chúng, pháp luật và đạo đức truyền thông đại chúng, an ninh truyền thông.

PLO3: Khả năng phân tích, đánh giá các kiến thức chuyên ngành Truyền thông đại chúng vào giải quyết những nhiệm vụ chuyên môn được giao, bao gồm các kiến thức gắn liền với các chức năng của khoa học Truyền thông đại chúng.

PLO4: Khả năng phân tích, đánh giá được quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước và cơ sở pháp lý trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý việc xây dựng, phát triển chiến lược, chính sách truyền thông đại chúng.

PLO5: Năng lực vận dụng tốt các kiến thức chuyên sâu vào Truyền thông đại chúng tại các cơ quan báo chí, truyền thông.

- Về kỹ năng:

PLO6: Thành thực trong lập luận, tư duy theo cách tiếp cận hệ thống, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực Truyền thông đại chúng;

PLO7: Thành thực kỹ năng phân tích có phản biện thông tin và dữ liệu: khả năng sử dụng thông tin từ các nguồn khác nhau, so sánh đối chiếu thông tin, đưa ra nhận định và kết luận; kỹ năng giải quyết vấn đề sáng tạo.

PLO8: Thành thực phương pháp tư duy tổng hợp, tư duy logic trong sử dụng thông tin, trình bày thông tin dưới dạng nói và viết một cách khoa học, sáng tạo.

PLO9: Thành thực hoạt động tự nghiên cứu, tư vấn lãnh đạo, xử lý tình huống, ứng phó với sự thay đổi của truyền thông số hiện đại; Các kỹ năng làm việc nhóm, phối hợp các thành viên nhóm, lãnh đạo nhóm..);

PLO10: Thành thực sử dụng các phần mềm trong phân tích truyền thông; thành thực giao tiếp, thuyết trình các vấn đề trong Truyền thông đại chúng; giao

tiếp được bằng tiếng Anh với trình độ mức tương đương cấp độ B1 của khung Châu Âu.

- Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

PLO11: Bản lĩnh chính trị vững vàng, niềm tin vững chắc vào chế độ xã hội chủ nghĩa, tuyệt đối tin tưởng sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước; có phẩm chất đạo đức trong sáng, giản dị, gần gũi với đồng chí, đồng nghiệp và quần chúng nhân dân; thái độ tích cực, thẳng thắn, kiên định đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, chống lại những biểu hiện dao động, những luận điệu sai trái, xuyên tạc, thù địch, chống phá Đảng và Nhà nước Việt Nam.

PLO12: Có đạo đức, ý thức và tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ tốt; tích cực tham gia bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia, xây dựng nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

PLO13: Có khả năng đưa ra phán quyết và quyết định mang tính chuyên gia trong các lĩnh vực của khoa học truyền thông đại chúng; có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của cơ quan, đơn vị.

PLO14: Chủ động học tập, phát triển kiến thức, kỹ năng làm việc suốt đời.

PLO15: Có năng lực nghiên cứu và chịu trách nhiệm cao trong quá trình học tập, tích lũy kinh nghiệm và sáng tạo các ý tưởng mới, góp phần vào sự phát triển của ngành khoa học truyền thông đại chúng.

3.1.3.3. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuy ét (LT)	Thực hành (TH)	Tự NC	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
A. Kiến thức chung			14										
1	CHTM	Triết học	4	3,5	0,25	0,2	26	0	42,5	0	15	11,	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết							Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự NC	Lý thuyết		Thực hành			Tự học		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến			
	01001					5						25		
2	CHTG01002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	1,5	0,25	0,25	15	0	10	0	5	11,25		
3	CHCT01003	Chính trị học nâng cao	2	1,5	0,25	0,25	22,5	0	0	0	7,5	10		
4	CHBC01001	Thực tế chính trị xã hội 1	3	0,5	2,0	0,5	7,5	0	0	0	60	22,5		
5	CHBC01002	Thực tế chính trị xã hội 2	3	0,5	2,0	0,5	7,5	0	0	0	60	22,5	CHBC01001	
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			46											
B1. Khối kiến thức cơ sở ngành			10											
Cơ sở ngành bắt buộc			6											
6	CHBC03080	Lý luận và thực tiễn truyền thông đại chúng hiện đại	2	1	0,75	0,25	12,5	10	0	2,5	5	11,25		
7	CHBC0	Pháp luật	2	1,5	0,25	0,2	22,5	0	0	0	7,5	11,		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuy ết (LT)	Thực hành (TH)	Tự NC	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
	3081	và đạo đức trong truyền thông đại chúng				5						25	
8	CHBC03087	Công nghệ số và nền tảng truyền thông đại chúng	2	1,5	0,25	0,25	15	7,5	10	0	20	11,25	
Cơ sở ngành tự chọn			4/8										
9	CHBC03082	An ninh và an toàn thông tin trong truyền thông đại chúng	2	1,5	0,25	0,25	15	7,5	7,5	0	30	11,25	
10	CHBC03083	Quản trị truyền thông doanh nghiệp	2	1,5	0,25	0,25	22,5	0	0	0	7,5	11,25	
11	CHBC03084	Truyền thông chính trị	2	1,5	0,25	0,25	17,5	5	5	2,5	0	11,25	
12	CHBC0	Truyền	2	1,5	0,25	0,2	17,5	5	5	2,5	0	11,	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết							Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự NC	Lý thuyết		Thực hành			Tự học		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến			
	3085	thông chính sách trong môi trường số				5							25	
B2. Khối kiến thức ngành			21											
Ngành bắt buộc			18											
13	CHBC03086	Nghiên cứu truyền thông đại chúng	3	2	0,75	0,25	30	0	0	5	17,5	11,25		
14	CHBC03087	Quản lý chiến lược truyền thông	3	2	0,75	0,25	20	10	0	0	22,5	11,25		
15	CHBC03088	Truyền thông dữ liệu và trực quan hóa thông tin	3	2	0,75	0,25	20	10	0	0	22,5	11,25		
16	CHBC03089	Kinh tế học truyền thông và mô hình kinh	3	2	0,75	0,25	30	0	0	5	17,5	11,25		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết							Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự NC	Lý thuyết		Thực hành			Tự học		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến			
		doanh truyền thông												
17	CHBC03090	AI trong truyền thông sáng tạo	3	2	0,75	0,25	30	0	0	5	17,5	11,25		
18	CHBC03091	Quản lý dự án truyền thông đại chúng	3	2	0,75	0,25	30	0	0	5	17,5	11,25		
Ngành tự chọn			3/9											
19	CHBC03092	Truyền thông khủng hoảng trong môi trường truyền thông số	3	2	0,75	0,25	20	10	0	5	17,5	11,25		
20	CHBC03093	Phân tích hành vi và tương tác công chúng	3	2	0,75	0,25	30	0	0	5	17,5	11,25		
21	CHBC03094	Văn hóa truyền thông đại chúng	3	2	0,75	0,25	30	0	0	5	17,5	11,25		
B3. Luận văn/dự án tốt			15				30	0	390	0	0	0		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuy ết (LT)	Thực hành (TH)	Tự NC	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
nghiep													
Tổng			60										

3.2. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo

3.2.1. Kế hoạch tuyển sinh

3.2.1.1. Đối tượng được đăng ký dự thi

Điều kiện chung: là công dân Việt Nam và người nước ngoài đáp ứng các điều kiện sau:

Một là, điều kiện về văn bằng:

+ Có bằng đại học ngành đúng với ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.

+ Có bằng tốt nghiệp ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và có giấy chứng nhận hoàn thành các môn học bổ sung kiến thức do Học viện Báo chí và Tuyên truyền cấp.

+ Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ nước ngoài phù hợp với ngành dự tuyển (phải có xác nhận của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Hai là, điều kiện về thâm niên công tác:

Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng: Được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học nếu xếp loại tốt nghiệp từ khá trở lên. Trường hợp có bằng tốt nghiệp xếp loại khác, phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn đăng ký dự thi kể từ ngày có quyết định tiếp nhận công tác đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi.

Người có bằng đại học ngành phù hợp nhóm 1, nhóm 2: Phải có ít nhất 1 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn đăng ký dự thi kể từ ngày có Quyết định tiếp nhận công tác đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi.

Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp thuộc nhóm 3: Phải có ít nhất 2 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn đăng ký dự thi kể từ ngày có quyết định tiếp nhận công tác đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi.

Ba là, điều kiện về sức khỏe: Đủ sức khỏe để học tập (có giấy chứng nhận sức khỏe của bệnh viện đa khoa cấp huyện trở lên).

3.2.1.2. Danh mục các ngành và môn học bổ sung

Ngành đúng	Ngành Truyền thông đại chúng	Không
Ngành phù hợp Nhóm 1	Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Công nghệ truyền thông, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng.	1. Nhập môn Truyền thông đại chúng (3 TC) 2. Quản trị báo chí - truyền (3TC) 3. Kinh doanh sản phẩm truyền thông (3TC)
Ngành phù hợp Nhóm 2 <i>Thí sinh dự thi có ít nhất 12 tháng công tác trong lĩnh vực liên quan đến ngành dự thi</i>	Thông tin - Thư viện, Quản lý thông tin, Lưu trữ học, Bảo tàng học, Xuất bản, Kinh doanh xuất bản phẩm, Quản trị truyền thông; Quản lý truyền thông; Quản lý hệ thống thông tin; Truyền thông số; Quảng cáo; Thông tin đối ngoại; Thiết kế truyền thông; Truyền thông marketing; Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh, truyền hình; Biên kịch điện ảnh, truyền hình; Đạo diễn điện ảnh, truyền hình; Quay phim; Nhiếp ảnh; Công nghệ điện ảnh và truyền hình.	1. Nhập môn Truyền thông đại chúng (3 TC) 2. Quản trị báo chí - truyền (3TC) 3. Kinh doanh sản phẩm truyền thông (3TC) 4. Công chúng báo chí - truyền thông (3TC) 5. Truyền thông hình ảnh (3TC)
Ngành phù hợp Nhóm 3 <i>Thí sinh dự thi có ít nhất</i>	Ngôn ngữ học; Hán Nôm; Văn học; Văn hoá học; Quản lý văn hoá; Kinh doanh xuất bản phẩm; Lý luận văn học; Văn học Việt Nam; Ngôn ngữ	1. Nhập môn Truyền thông đại chúng (3 TC) 2. Quản trị báo chí - truyền (3TC) 3. Kinh doanh sản phẩm truyền thông (3TC)

24 tháng công tác trong lĩnh vực liên quan đến ngành dự thi	Việt Nam; Các ngành thuộc nhóm Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài; Triết học; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Kinh tế học; Kinh tế chính trị; Kinh tế phát triển; Kinh tế đầu tư; Kinh tế quốc tế; Quản lý kinh tế; Chính trị học; Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước; Hồ Chí Minh học; Quan hệ quốc tế; Xã hội học; Công tác xã hội; Việt Nam học; Thông tin học; Hệ thống thông tin; Kỹ thuật viễn thông; Điện tử viễn thông, Công nghệ điện tử viễn thông, Thương mại điện tử; Quản trị kinh doanh; Quản lý công; Quản lý nhà nước; Quản trị nhân lực; Thiết kế âm thanh, ánh sáng; Thiết kế mỹ thuật sân khấu điện ảnh; Thiết kế đồ họa; Đồ họa; Marketing; Thông tin cổ động; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin; Tình báo an ninh; Kế toán; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Luật; Luật kinh tế; Quản trị khách sạn; Kỹ thuật xét nghiệm Y học; Tài chính-ngân hàng; Phật học; Đông phương học; Công nghệ sinh học; Kinh tế phát triển; Kinh tế đầu tư; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Các	4. Công chúng báo chí - truyền thông (3TC) 5. Truyền thông hình ảnh (3TC) 6. Sáng tạo nội dung truyền thông đại chúng (3TC) 7. Tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đại chúng (3TC)
--	---	--

	ngành thuộc nhóm ngành khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên; các ngành nhóm An ninh, Quốc phòng, Công nghệ đa phương tiện, Chính trị học, Hành chính học.	
--	---	--

3.2.1.2. Hình thức tuyển sinh

Thi tuyển hoặc xét tuyển: Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành:

Một là, thi tuyển, môn thi tuyển sinh

+ Môn chủ chốt: Triết học Mác-Lênin

+ Môn chuyên ngành: *Nhập môn Truyền thông đại chúng*

+ Môn Ngoại ngữ: Tiếng Anh

Miễn thi môn tiếng Anh đối với các thí sinh thuộc một trong các đối tượng sau:

+ Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

+ Có bằng đại học tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Học viện Báo chí và Tuyên truyền cấp mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam mà thời gian không quá 2 năm kể từ ngày ký.

+ Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam Quy định dưới đây hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phê duyệt, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
		TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93

1	Tiếng Anh	TOEFL ITP	450-499	500 - 626
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
		Aptis ESOL International Certificate	B1	B2
		Pearson English International Certificate	Level 2	Level 3
		Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Bậc 3	Bậc 4
		Versant (VPET)	43 - 50	59 - 66
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4

5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2

Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Học viện sẽ thẩm định chứng chỉ hoặc thành lập Hội đồng kiểm tra năng lực ngoại ngữ của các thí sinh đã có chứng chỉ, kết quả kiểm tra sẽ được sử dụng làm kết quả chính thức để xét miễn thi đầu vào, đầu ra về ngoại ngữ tại Học viện hoặc hủy kết quả thi, xét đầu vào nếu phát hiện sai phạm.

- Thí sinh không thuộc diện miễn thi môn Ngoại ngữ phải thi môn tiếng Anh đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào trong kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ.

Hai là, Xét tuyển: Áp dụng theo quy chế hiện hành của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

3.2.1.3. Đối tượng và chính sách ưu tiên

a. Đối tượng:

Người có thời gian công tác hai năm liên tục trở lên (tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn ở các địa phương miền núi, vùng cao, vùng sâu, hải đảo (Những người này phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc biệt phái công tác của cấp có thẩm quyền);

Thương binh, bệnh binh, người có giấy chứng nhận được hưởng chính sách như thương binh; Con liệt sĩ; Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, người có công với cách mạng; Người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Con nạn nhân chất độc màu da cam.

b. Chính sách ưu tiên:

Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên được cộng một điểm vào kết quả

thi (thang điểm 10) cho môn cơ bản; Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng chế độ ưu tiên của một đối tượng.

3.2.1.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh

- Từ năm 2025-2026: tuyển 15-20 học viên/năm
- Từ năm 2026-2027: tuyển 20-25 học viên/năm
- Từ năm 2027 trở đi: tuyển 25-30 học viên/năm

3.2.1.5. Dự kiến mức học phí đào tạo

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

3.2.2. Kế hoạch đào tạo

3.2.3.1. Thời gian đào tạo

Thời gian đào tạo sẽ căn cứ vào quy định của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền là 2 năm (24 tháng, tính đến thời điểm bảo vệ luận văn chính thức cấp Học viện).

3.2.3.2. Kế hoạch giảng dạy chung

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ			
			1	2	3	4
1	CHTM01001	Triết học	x			
2	CHTG01002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	x			
3	CHCT01003	Chính trị học nâng cao	x			
4	CHBC01001	Thực tế chính trị xã hội 1	x			
5	CHBC01002	Thực tế chính trị xã hội 2			x	
6	CHBC03080	Lý luận và thực tiễn truyền thông đại chúng hiện đại	x			
7	CHBC03081	Pháp luật và đạo đức trong truyền thông đại chúng		x		
8	CHBC03082	Công nghệ số và nền tảng truyền thông đại chúng		x		
9	CHBC03083	An ninh và an toàn thông tin trong truyền thông đại chúng		x		
10	CHBC03084	Quản trị truyền thông doanh nghiệp	x			
11	CHBC03085	Truyền thông chính trị		x		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ			
			1	2	3	4
12	CHBC03086	Truyền thông chính sách trong môi trường số	x			
13	CHBC03087	Nghiên cứu truyền thông đại chúng		x		
14	CHBC03088	Quản lý chiến lược truyền thông		x		
15	CHBC03089	Truyền thông dữ liệu và trực quan hóa thông tin			x	
16	CHBC03090	Kinh tế học truyền thông và mô hình kinh doanh truyền thông			x	
17	CHBC03091	AI trong truyền thông sáng tạo			x	
18	CHBC03092	Quản lý dự án truyền thông đại chúng			x	
19	CHBC03093	Truyền thông khủng hoảng trong môi trường truyền thông số			x	
20	CHBC03094	Phân tích hành vi và tương tác công chúng			x	
21	CHBC03095	Văn hóa truyền thông đại chúng			x	
22		Luận văn/sản phẩm tốt nghiệp				x

Khối Kiến thức chung (Triết học, Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, Chính trị học nâng cao) được tổ chức học trước, sau đó là các học phần thuộc Khối Kiến thức cơ sở và chuyên ngành. Trong đó, các học phần bắt buộc và lựa chọn của hai khối này được mở xen kẽ nhau. Việc giảng dạy được tổ chức theo các lớp khóa học và lớp học phần. Lớp khóa học được tổ chức cho những người cùng một chương trình đào tạo trong cùng một khóa học ổn định từ đầu đến cuối mỗi khóa học. Lớp học phần được tổ chức cho những người đăng ký học cùng một học phần trong học kỳ. Số lượng học viên tối thiểu cho mỗi lớp học phần do nhà trường quy định dựa trên đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất của đơn vị. Lớp học phần sẽ không được tổ chức khi số lượng người đăng ký ít hơn số quy định tối thiểu này. Khi đó, học viên có thể đăng ký học phần khác hoặc đăng ký vào những học kỳ sau. Giảng viên học phần trực tiếp phụ trách lớp học phần.

Tham gia giảng dạy là những cán bộ giảng dạy cơ hữu của Viện và Học viện, kết hợp mời giảng viên kiêm nhiệm và giảng viên thỉnh giảng (có hợp đồng với Học viện) Giảng viên tham gia giảng dạy được lựa chọn dựa trên tiêu chí chính như bằng cấp, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, năng lực sư phạm,

đạo đức nghề nghiệp...

Số lượng tín chỉ mỗi học viên đăng ký trong mỗi học kỳ tối thiểu là 6 tín chỉ và tối đa là 18 tín chỉ. Trường hợp học viên có nguyện vọng đăng ký học phần ít hơn số tín chỉ tối thiểu trong một học kỳ, phải có sự đồng ý của thủ trưởng đơn vị đào tạo.

Điểm đánh giá học phần (gọi là điểm học phần) là điểm trung bình có trọng số của các điểm đánh giá bộ phận (gồm điểm kiểm tra thường xuyên, điểm báo cáo thảo luận, điểm kiểm tra định kỳ trên lớp...) và điểm thi hoặc tiểu luận, bài tập lớn, dự án... kết thúc học phần. Trọng số các điểm đánh giá bộ phận và điểm kết thúc học phần được quy định trong đề cương học phần, và được công bố cho người học biết ngay khi bắt đầu học phần, trong đó điểm kết thúc học phần là bắt buộc và có trọng số không dưới 60%. Các điểm bộ phận và điểm kết thúc học phần được chấm theo thang điểm từ 0 tới 10, lẻ đến 0,5. Điểm học phần được tính theo trọng số và làm tròn đến một chữ số thập phân và được chuyển thành điểm chữ.

Đề tài luận văn và cán bộ hướng dẫn luận văn cao học cho học viên được đơn vị chuyên môn đề nghị và thủ trưởng cơ quan đào tạo phê duyệt trước khi kết thúc thời gian đào tạo 12 tháng.

3.2.3.3. Điều kiện làm luận văn và tốt nghiệp thạc sĩ

a. Điều kiện làm luận văn

Học viên được bảo vệ luận văn khi có đủ các điều kiện sau:

Đã tích lũy đủ số tín chỉ theo yêu cầu của chương trình đào tạo thạc sĩ và hoàn thành luận văn trong thời gian đào tạo tối đa cho phép, có điểm trung bình chung tích lũy các môn học đạt từ 2.0 trở lên;

Đạt yêu cầu về trình độ ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra được quy định tại Quy chế đào tạo Sau đại học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Có đơn đề nghị được bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, có ý kiến xác nhận của cán bộ hướng dẫn luận văn đạt yêu cầu theo quy định của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật

đình chỉ học tập;

Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn;

Đã hoàn thành các thủ tục hành chính theo quy định của đơn vị đào tạo.

Việc tổ chức đánh giá luận văn thực hiện theo Quy chế đào tạo Sau đại học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã được phê duyệt.

b. Điều kiện tốt nghiệp

Để được tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ Truyền thông đại chúng ở Học viện Báo chí và Tuyên truyền, học viên cần đạt được:

Tích lũy đủ số tín chỉ cần thiết trong thời gian quy định.

Tham gia đủ các buổi lên lớp theo quy định, thời gian tự học, thảo luận nghiên cứu thực tế.

Đạt điểm từ trung bình trở lên trong các lần kiểm tra, kỳ thi hết môn.

Bảo vệ luận văn tốt nghiệp đạt điểm từ trung bình trở lên (thang điểm 10).

Chấp hành tốt nội quy, quy định đào tạo của Học viện, quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, không vi phạm pháp luật, không bị các hình thức kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3.2.3.2. Kế hoạch phân kỳ các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ				Cán bộ giảng dạy
			1	2	3	4	
1	CHTM01001	Triết học	x				PGS, TS. Nguyễn Minh Hoàn TS. Trần Hải Minh
2	CHTG01002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	x				TS. Phan Thanh Hải TS. Bùi Minh Hải
3	CHCT01003	Chính trị học nâng cao	x				PGS, TS. Nguyễn Thị Ngọc Hoa TS. Võ Thị Hoa TS. Phạm Thị Hoa
4	CHBC01001	Thực tế chính trị xã hội 1	x				PGS, TS Đinh Thị Thu Hằng TS Vũ Huyền Nga TS Phạm Thị Mai Liên

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ				Cán bộ giảng dạy
			1	2	3	4	
5	CHBC01002	Thực tế chính trị xã hội 2			x		TS Đinh Thị Xuân Hòa TS Lê Thu Hà TS Lương Đông Sơn
6	CHBC03080	Lý luận và thực tiễn truyền thông đại chúng hiện đại	x				PGS, TS Đinh Thị Thu Hằng PGS, TS Nguyễn Thị Trường Giang PGS, TS Phạm Thị Thanh Tịnh TS Nguyễn Thị Hằng Thu
7	CHBC03081	Pháp luật và đạo đức trong truyền thông đại chúng		x			PGS, TS Nguyễn Thị Trường Giang TS Nguyễn Thùy Vân Anh TS Đinh Thị Xuân Hòa TS Trần Thị Vân Anh 1979 TS Phạm Quỳnh Trang TS Trần Thị Phương Lan
8	CHBC03082	Công nghệ số và nền tảng truyền thông đại chúng		x			TS Dương Quốc Bình TS Lương Đông Sơn TS Nguyễn Văn Trường TS Vũ Huyền Nga
9	CHBC03083	An ninh và an toàn thông tin trong truyền thông đại chúng		x			PGS, TS Nguyễn Thị Trường Giang TS Nguyễn Thùy Vân Anh
10	CHBC03084	Quản trị truyền thông doanh nghiệp	x				TS Vũ Huyền Nga TS Lê Thị Nhã TS Trần Thị Phương Lan
11	CHBC03085	Truyền thông chính trị					PGS, TS. Đinh Thị Thu Hằng TS Nguyễn Thị Tuyết Minh TS Lê Thu Hà TS Lê Thị Nhã TS. Dương Quốc Bình
12	CHBC03086	Truyền thông chính sách trong môi trường số					TS. Trần Thị Vân Anh (77) PGS, TS. Đinh Thị Thu Hằng

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ				Cán bộ giảng dạy
			1	2	3	4	
							TS. Nguyễn Thị Tuyết Minh
13	CHBC03087	Nghiên cứu truyền thông đại chúng					TS Nguyễn Thị Tuyết Minh TS Lê Thu Hà PGS,TS Phạm Thị Thanh Tịnh
14	CHBC03088	Quản lý chiến lược truyền thông	x				TS Lê Thị Nhã TS Nguyễn Thị Hằng Thu TS. Phạm Thị Mai Liên
15	CHBC03089	Truyền thông dữ liệu và trực quan hóa thông tin		x			TS Phạm Thị Mai Liên TS Lương Đông Sơn TS. Vũ Huyền Nga
16	CHBC03090	Kinh tế học truyền thông và mô hình kinh doanh truyền thông			x		TS Đinh Thị Xuân Hòa TS Vũ Huyền Nga TS Trần Thị Vân Anh (79)
17	CHBC03091	AI trong truyền thông sáng tạo			x		TS Lương Đông Sơn TS Dương Quốc Bình TS Phạm Thị Mai Liên
18	CHBC03092	Quản lý dự án truyền thông đại chúng			x		TS Lê Thu Hà TS Nguyễn Văn Trường TS Phạm Thị Mai Liên
19	CHBC03093	Truyền thông khủng hoảng trong môi trường truyền thông số			x		PGS,TS Phạm Thị Thanh Tịnh TS Lê Thu Hà TS Phạm Quỳnh Trang
20	CHBC03094	Phân tích hành vi và tương tác công chúng		x			TS Nguyễn Thị Tuyết Minh TS Lê Thu Hà PGS,TS Phạm Thị Thanh Tịnh
21	CHBC03095	Văn hóa truyền thông đại chúng			x		TS Nguyễn Thùy Vân Anh TS Trần Thị Phương Lan TS Trần Thị Vân Anh 1977
22	CHBC03095	Luận văn/sản phẩm tốt nghiệp				x	

3.2.3. Kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo

3.2.3.1. Kế hoạch nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên

Trong vòng 05 năm tới, Viện dự kiến sẽ có thêm 05 tiến sĩ từ đội ngũ giảng viên của khoa đang theo học nghiên cứu sinh.

Về định hướng dài hạn, Viện dự kiến sẽ liên tục nâng cao chất lượng nhân lực với yêu cầu giảng viên phải có khả năng giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh để đáp ứng nhu cầu đào tạo của xã hội trong thời gian tới.

3.2.3.2. Kế hoạch hợp tác quốc tế

Về định hướng hợp tác quốc tế, Viện dự kiến sẽ hợp tác với nhiều giảng viên thỉnh giảng ở nước ngoài và các giảng viên ở các trường đại học lớn trong nước. Tổ chức thực tế ở nước ngoài cho học viên.

3.2.3.3. Kế hoạch phát triển cơ sở vật chất

a. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Phòng thực hành trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy:

TT	Tên	Các trang thiết bị chính	Số lượng
1.	Phòng thực hành Ảnh báo chí	- Máy ảnh Canon EOS D1200. - Máy ảnh Nikon D800. - Máy tính bàn DELL. - Đèn chụp ảnh	1
2.	Phòng thực hành Xuất bản báo in	- Máy tính bàn. - Máy chủ DELL. - Máy in. - Máy chiếu. - Âm thanh.	1
3.	Phòng thực hành Báo chí - Truyền thông	- Máy tính bàn. - Máy in khổ A3. - Máy chiếu. - Âm thanh.	2
4.	Phòng thực hành Phát	- Bộ trộn tín hiệu.	1

	thanh - Thu thanh	- Micro. - Loa kiểm âm. - Máy ghi âm KTS.	
5.	Phòng thực hành quay phim	- Máy quay phim. - Bộ bàn trộn hình Full HD. - Bộ ghi hình Full HD. - Mixer Audio Soundcraft. - Mixer Video SONY. - Tivi - Cầu (Boom Camera). - Ray (Doll Camera). - Bàn ghế trường quay. - Đèn trường quay	1
6.	Phòng thực hành quay phim (Trường quay ảo)	- Máy quay HD HXC-FB75KC. - Bộ điều khiển máy quay HXCU-FB70. - Hệ thống nhắc lời QPRO17. - Hệ thống bàn trộn hình HVS-110. - Hệ thống chuyển mạch tín hiệu 1616HD-3G. - Hệ thống kiểm tra tín hiệu Video (Tivi KD-43X8000E). - Hệ thống trường quay ảo 3D thời gian thực. - Hệ thống phát file. - Hệ thống streaming, quản lý khai thác tư liệu video, truyền hình hội tụ. - Hệ thống thu ghi tín hiệu. - Thiết bị thu/phát tín hiệu. - Hệ thống xử lý tín hiệu và tạo xung đồng bộ. - Hệ thống thiết bị intercom và audio.	1

		- Hệ thống ánh sáng trường quay. - Bàn ghế sofa dùng cho talkshow.	
7.	Phòng thực hành dựng hình.	- Máy quay XDCAM HD422. - Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Máy in khổ A3.	1
8.	Phòng thực hành học Ngoại ngữ (LAB)	- Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Tai nghe.	4
9.	Phòng thực hành Xuất bản	- Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Máy Scan. - Máy Phôtô.	1
10.	Phòng thực hành Báo mạng điện tử	- Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Tai nghe.	1
11.	Phòng thực hành tin học	- Máy tính bàn. - Máy chiếu.	4

Thống kê phòng học:

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	251	18.024
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01	1.450
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	10	1.317
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	57	3.990
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	29	1.362
1.5	Số phòng học đa phương tiện	01	100
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	153	9.805
2	Thư viện, trung tâm học liệu	6	3.914
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập,	17	3.709

	luyện tập		
4	Nhà để xe	02	404
5	Nhà Y tế	02	120
6	Nhà ở KTX (phòng)	453	23.723
7	Khu thể thao	3	6.039
8	Khu dịch vụ	4	3.392
9	Phòng chờ GV	10	350
10	Khu WC	10	420
	Tổng		60.095

b. Học liệu phục vụ học tập, giảng dạy

Trung tâm Thông tin khoa học của Học viện có các sách chuyên khảo, tài liệu phục vụ nghiên cứu, giảng dạy, học tập các ngành. Đặc biệt, hệ thống thư viện đáp ứng nhu cầu đa dạng của người đọc với các phòng như: Phòng đọc sách, phòng đọc tạp chí, phòng mượn, phòng ngoại văn. Hoạt động nghiệp vụ thư viện đã được tin học hóa giúp cho việc khai thác và quản lý tư liệu được hiệu quả. Nhà trường cũng có Thư viện điện tử hiện đại trang bị hệ thống sách, giáo trình tài liệu tham khảo phong phú, đa dạng. Bạn đọc có thể đọc toàn văn tài liệu số theo địa chỉ: <http://thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace>.

TT	Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành	Số lượng
1.	Khối ngành III	3.097 tài liệu, trong đó 1.996 tài liệu in, 1131 tài liệu số.
2.	Khối ngành VII	36.251 tài liệu, trong đó: 27.132 tài liệu in; 9,119 tài liệu số.

Thống kê giáo trình, bài giảng

TT	Phân loại	Số lượng	Ghi chú
1	Giáo trình in sách	5 cuốn	
2	Giáo trình nội bộ	15 cuốn	
3	Sách chuyên khảo	30 cuốn	
4	Sách tham khảo	50 cuốn	

5	Đề cương bài giảng	5 cuốn	
---	--------------------	--------	--

3.2.3.4. Kế hoạch hợp tác với đơn vị sử dụng lao động

Viện Báo chí – Truyền thông có mối quan hệ hợp tác lâu dài với các Trường chính trị các tỉnh, các trường Đại học, cao đẳng, các cơ quan quản lý nhà nước các cấp, các tổ chức chính phủ, phi chính phủ, các doanh nghiệp, các cơ quan báo chí, truyền thông... để nâng cao chất lượng đội ngũ nhân lực quản lý, lãnh đạo của các đơn vị này bằng cách gửi các văn bản truyền thông về chương trình đào tạo thạc sĩ Truyền thông đại chúng và đề nghị ký kết hợp tác lâu dài.


GIÁM ĐỐC
Phạm Minh Sơn

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
-----&-----

HỒ SƠ
ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ TRUYỀN THÔNG ĐẠI CHÚNG

Ngành: Truyền thông đại chúng

Mã số: 8.32.01.05

Đơn vị chủ trì, thực hiện: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

HÀ NỘI, 2025